

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Ngọc Ánh

HẢI PHÒNG – 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN TSCĐ
TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH
NEXIA STT – CHI NHÁNH AN PHÁT THỰC HIỆN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Vũ Thị Ngọc Ánh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Ngọc Ánh Mã SV: 1612401048

Lớp : QT2002K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kiểm toán TSCĐ trong BCTC do công ty

TNHH Nexia STT – Chi nhánh An Phát thực hiện

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	2
1.1 Khái quát về TSCĐ	2
1.1.1 Khái niệm về TSCĐ	2
1.1.2 Đặc điểm TSCĐ	3
1.1.3 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ	4
1.1.3.1 Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán	4
1.1.3.2 Tài khoản sử dụng.....	5
1.1.3.3 Hạch toán TSCĐ	6
1.2 Nội dung công tác kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán Báo cáo tài chính.....	8
1.2.1 Khái quát chung về kiểm toán Báo cáo tài chính.....	8
1.2.1.1 Khái niệm kiểm toán Báo cáo tài chính	8
1.2.1.2 Cách tiếp cận	8
1.2.1.3 Mục tiêu kiểm toán Báo cáo tài chính.....	9
1.2.2 Mục tiêu và căn cứ kiểm toán khoản mục Tài sản cố định.....	10
1.2.1.1 MụcCFD tiêu kiểm toán khoản mục Tài sản cố định	10
1.2.1.2 Căn cứ kiểm toán khoản mục Tài sản cố định	12
1.2.3 Quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định.....	12
1.2.3.1 Lập kế hoạch kiểm toán	12
1.2.3.2 Thực hiện kiểm toán.....	19
1.2.3.3 Kết thúc kiểm toán	29
1.3 Hệ thống chuẩn mực kiểm toán sử dụng trong kiểm toán BCTC về Tài sản cố định	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ TRONG KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY TNHH NEXIA STT – CHI NHÁNH AN PHÁT THỰC HIỆN	34
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH NEXIA STT–Chi nhánh An Phát.....	34

2.1.1 Thông tin, lịch sử và phát triển công ty	34
2.1.2 Mục tiêu và phương châm hoạt động.....	35
2.1.3 Các loại hình dịch vụ công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát cung cấp cho khách hàng	36
2.1.3.1 Dịch vụ kiểm toán	36
2.1.3.2 Dịch vụ Tư vấn Kế toán & Tài chính Doanh nghiệp.....	37
2.1.3.3 Dịch vụ Tư vấn Thuế	37
2.1.3.4 Tư vấn Doanh nghiệp.....	38
2.1.3.5 Tư vấn Quản lý & Hoạt động Doanh nghiệp.....	38
2.1.3.6 Dịch vụ Tư vấn Phát triển và Quản lý Công.....	38
2.1.3.7 Tư vấn, lập báo cáo chuyên giá.....	39
2.1.3.8 Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo kế toán.....	39
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	41
2.1.5 Chuẩn mực và phương pháp kiểm toán áp dụng.....	43
2.1.6 Bộ máy kiểm toán của công ty TNHH NEXIA STT-CN An Phát.....	44
2.2 Quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ trong Kiểm toán BCTC do công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát thực hiện	44
2.2.1 Lập kế hoạch kiểm toán	44
2.2.3. Thực hiện kiểm toán.....	47
2.2.4. Kết thúc kiểm toán	51
2.3. Quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ hữu hình trong Kiểm toán BCTC do công ty TNHH NEXIA STT– Chi nhánh An Phát thực hiện tại công ty cổ phần DASOS Hải Phòng.....	52
2.3.1. Chuẩn bị kiểm toán	52
2.3.1.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán	53
2.3.1.3 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng	53
2.3.1.4 Đánh giá mức trọng yếu	54
2.3.2 Thực hiện kiểm toán khoản mục TSCĐ	57
2.3.4. Kết thúc kiểm toán	85

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ HỮU HÌNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY TNHH NEXIA STT – CHI NHÁNH AN PHÁT.....	88
3.1 Đánh giá về thực trạng kiểm toán khoản mục TSCĐ hữu hình trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH NEXIA STT – chi nhánh An Phát thực hiện	88
3.1.1 Ưu điểm.....	89
3.1.2 Nhược điểm.....	93
3.2 Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục TSCĐ hữu hình trong kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Kiểm toán Nexia – Chi nhánh An Phát thực hiện.....	94
3.2.1 Giải pháp hoàn thiện giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán	94
3.2.2 Giải pháp hoàn thiện phương pháp chọn mẫu khi kiểm toán khoản mục TSCĐ hữu hình	95
3.2.3 Giải pháp tăng cường nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực tại công ty TNHH Kiểm toán Nexia	96
KẾT LUẬN	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	100

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tăng giảm TSCĐ	6
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán khấu hao TSCĐ.....	7
Bảng 1.1: Các khảo sát kiểm soát (Thử nghiệm kiểm soát)	20
Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy công ty	41
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kiểm toán	44

LỜI MỞ ĐẦU

Hệ thống kiểm toán ở Việt Nam - một trong những công cụ quản lý kinh tế - tài chính hữu hiệu, sản phẩm của nền kinh tế thị trường, của hội nhập kinh tế quốc tế đã được hình thành và có những bước phát triển đáng ghi nhận. Hệ thống kiểm toán gồm 03 phân hệ cấu thành là Kiểm toán Nhà nước (KTNN), kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ. Các phân hệ có vị trí, vai trò và phạm vi hoạt động khác nhau, nhưng cùng thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát đối với các hoạt động kinh tế - tài chính, có sự tương đồng nhất định về phương pháp chuyên môn nghiệp vụ.

Và công ty TNHH NEXIA STT là 1 trong những công ty kiểm toán có chỗ đứng vững chắc tại Việt Nam, bao gồm rất nhiều các chi nhánh ở khắp các tỉnh, thành phố. Điển hình như công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát, nơi mà cá nhân em đang thực tập. Trong giai đoạn thực tập tổng hợp, do mới bước đầu tiếp cận và tìm hiểu hoạt động kiểm toán tại công ty, báo cáo thực tập tổng hợp chỉ đề cập đến đặc điểm chung về cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động, hệ thống phương pháp kiểm toán và hồ sơ kiểm toán chung của Công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát. Nhận thức được vai trò quan trọng của khoản mục Tài sản cố định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, trong quá trình thực tập Công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát được sự giúp đỡ của các anh chị trong công ty và giảng viên hướng dẫn Ths. Trần Thị Thanh Thảo em đã chọn đề tài cho Khóa luận tốt nghiệp là **“Hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát thực hiện”**. Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính.

Chương 2: Quy trình kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Nexia STT - Chi nhánh An Phát thực hiện.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Nexia STT - Chi nhánh An Phát.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

Sinh viên

Vũ Thị Ngọc Ánh

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1 Khái quát về TSCĐ

1.1.1 Khái niệm về TSCĐ

Theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, một nguồn lực của doanh nghiệp được coi là TSCĐ phải thỏa mãn đồng thời cả 4 tiêu chuẩn sau:

-Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó: Lợi ích kinh tế tài sản đó mang lại được biểu hiện ở việc tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí, tăng chất lượng của sản phẩm, dịch vụ khi doanh nghiệp kiểm soát và sử dụng một tài sản nào đó.

-Nguyên giá tài sản cố định phải được xác định một cách đáng tin cậy: Tiêu chuẩn này yêu cầu một tài sản nào đó muốn được ghi nhận là tài sản cố định thì phải có cơ sở khách quan để xác định giá trị ban đầu của nó.

-Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm: Tiêu chuẩn này nhằm cụ thể hóa tiêu chuẩn thứ nhất của TSCĐ. Lợi ích kinh tế trong tương lai do việc sử dụng TSCĐ không phải là trong 1 năm tài chính mà ít nhất hai năm.

-Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành: Theo Điều 3 chương II thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 thì tiêu chuẩn của TSCĐ phải có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên (bắt đầu áp dụng cho năm tài chính 2013).

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thỏa mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm, thì từng con súc vật thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một TSCĐ hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm thì từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

TSCĐ thường là bộ phận chủ yếu trong tổng số tài sản và đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của DN vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐ hay là một khoản chi phí SXKD trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của DN.

Nguyên giá: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao: là sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.

Thời gian sử dụng hữu ích: là thời gian mà TSCĐ phát huy được tác dụng cho sản xuất, kinh doanh.

Giá trị thanh lý: là giá trị ước tính thu được khi hết thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, sau khi trừ (-) chi phí thanh lý ước tính.

1.1.2 Đặc điểm TSCĐ

Về mặt hiện vật: Tham gia vào nhiều chu kỳ SXKD và vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng phải loại bỏ.

Về mặt giá trị: Tài sản cố định được biểu hiện dưới hai hình thái:

-Một bộ phận giá trị tồn tại dưới hình thái ban đầu gắn với hiện vật TSCĐ. Một bộ phận giá trị tài sản cố định chuyển vào sản phẩm và bộ phận này sẽ chuyển hoá thành tiền khi bán được sản phẩm.

-Khi tham gia vào quá trình SX, nhìn chung TSCĐ không bị thay đổi hình thái hiện vật nhưng tính năng công suất giảm dần tức là nó bị hao mòn và cùng với sự giảm dần về giá trị sử dụng thì giá trị của nó cũng giảm đi. Bộ phận giá trị hao mòn đó chuyển vào giá trị sản phẩm mà nó SX ra và gọi là trích khấu hao cơ bản. TSCĐ là một hàng hoá như một hàng hoá thông thường khác, thông qua

mua bán trao đổi, nó có thể chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng từ chủ thể này sang chủ thể khác trên thị trường tư liệu sản xuất.

Do có kết cấu phức tạp gồm nhiều bộ phận với mức độ hao mòn không đồng đều nên trong quá trình sử dụng TSCĐ có thể bị hư hỏng từng bộ phận.

TSCĐ trong doanh nghiệp được chia thành TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

TSCĐ hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình.

TSCĐ vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

1.1.3 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ

1.1.3.1 Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán

□ Về chứng từ sử dụng: tổ chức chứng từ kế toán là thiết kế khối lượng công tác hạch toán kế toán ban đầu trên hệ thống các văn bản chứng từ hợp lý, hợp pháp theo một quy trình luân chuyển chứng từ nhất định.

Các chứng từ được sử dụng trong hạch toán TSCĐ hữu hình bao gồm:

- Hợp đồng mua bán TSCĐ.
- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho của người bán.
- Biên bản bàn giao TSCĐ .
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ .
- Biên bản nghiệm thu khối lượng sửa chữa lớn hoàn thành.
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ.
- Biên bản kiểm kê TSCĐ.
- Biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng mua tài sản.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

□ Về sổ sách: để theo dõi kịp thời và đầy đủ các thông tin về TSCĐ hữu hình, các doanh nghiệp thường sử dụng hệ thống sổ sách như:

-Thẻ tài sản cố định.

-Sổ chi tiết TSCĐ theo từng bộ phận sử dụng và theo loại TSCĐ theo dõi.

-Sổ cái các tài khoản 211,214.

1.1.3.2 Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động TSCĐ hữu hình, doanh nghiệp cần phải sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

□ Tài khoản 211 “Tài sản cố định hữu hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm của toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo nguyên giá.

TK 2111: Nhà cửa vật kiến trúc

TK 2112: Máy móc thiết bị

TK 2113: Phương tiện vận tải, truyền dẫn

TK 2114: Thiết bị, dụng cụ quản lý

TK 2115: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm

TK 2118: TSCĐ khác

□ Tài khoản 213 “Tài sản cố định vô hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp.

TK 2131: Quyền sử dụng đất

TK 2132: Quyền phát hành

TK 2133: Bản quyền, bằng sáng chế

TK 2134: Nhãn hiệu hàng hóa

TK 2135: Phần mềm máy vi tính

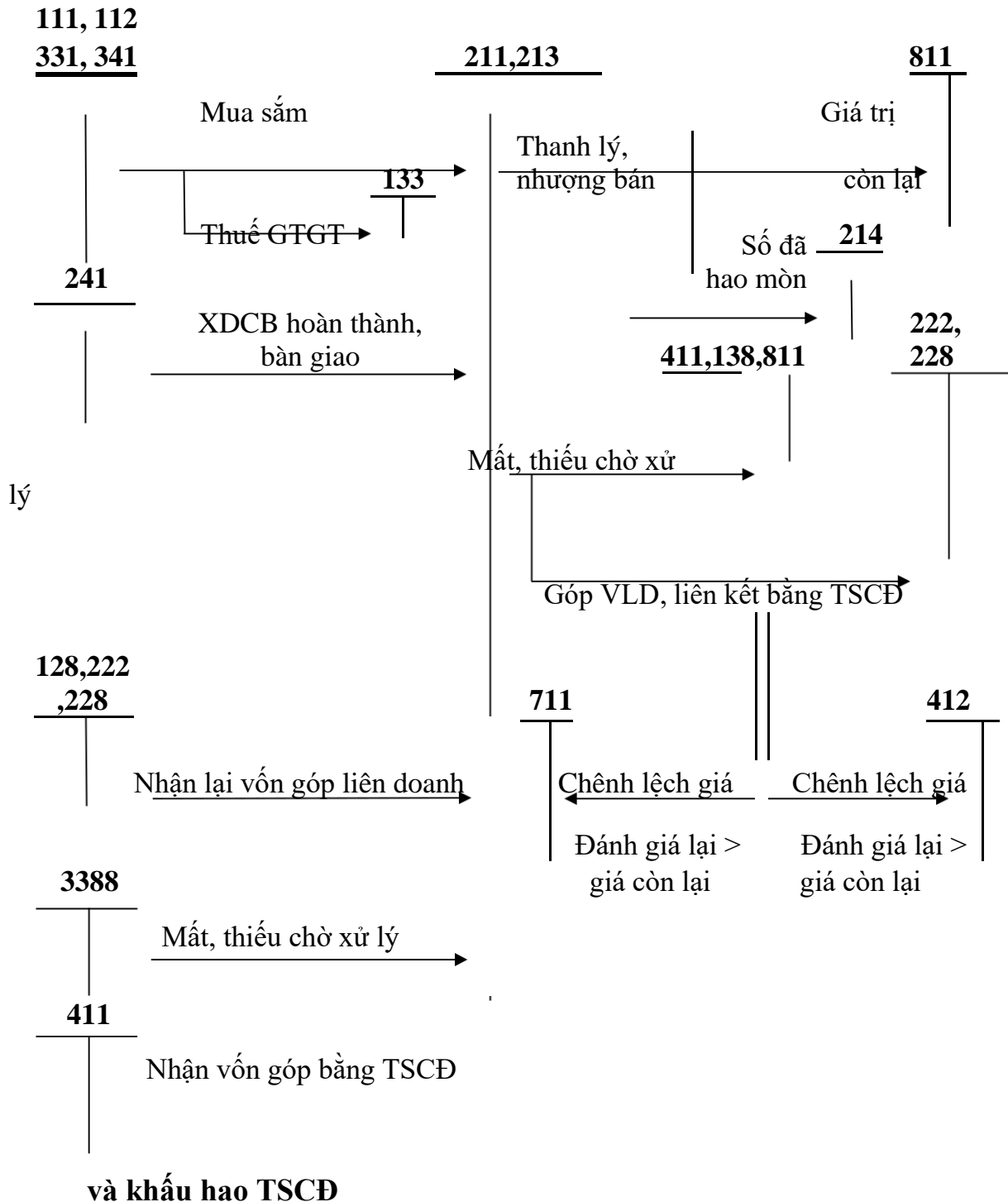
TK 2136: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền

TK 2138: TSCĐ vô hình khác

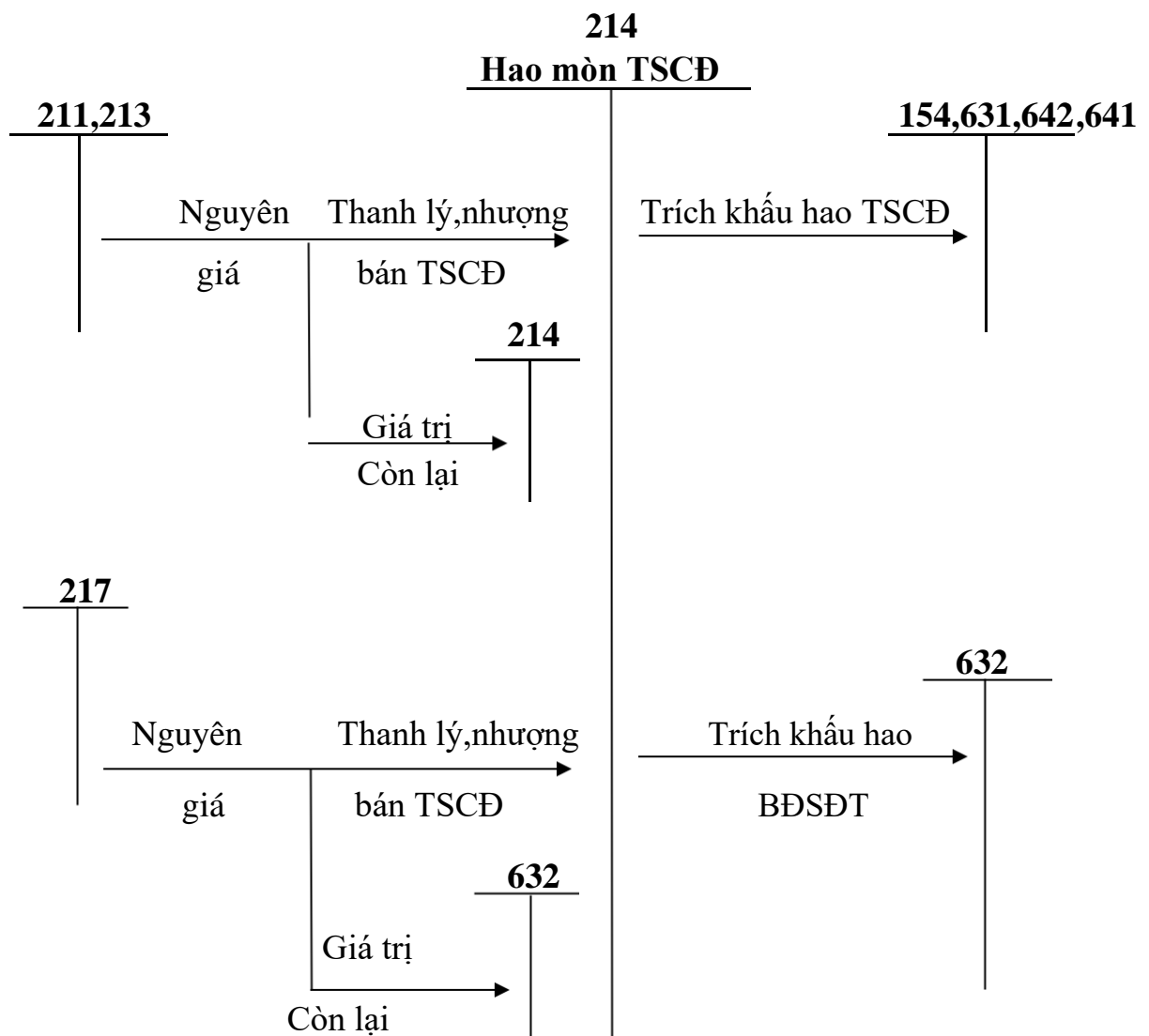
□ Tài khoản 214 “Hao mòn tài sản cố định”: Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao và những khoản tăng giảm hao mòn khác của các loại tài sản của doanh nghiệp.

TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình

1.1.3.3 Hạch toán TSCĐ



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tăng giảm TSCĐ



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán khấu hao TSCĐ

1.2 Nội dung công tác kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán Báo cáo tài chính

1.2.1 Khái quát chung về kiểm toán Báo cáo tài chính

1.2.1.1 Khái niệm kiểm toán Báo cáo tài chính

Hiện nay, khái niệm “ Kiểm toán báo cáo tài chính” vẫn có nhiều cách dùng và cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, theo cách hiểu chung nhất thì kiểm toán báo cáo tài chính được hiểu như sau:

Kiểm toán báo cáo tài chính là hoạt động của các kiểm toán viên độc lập và có năng lực tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng kiểm toán về các báo cáo tài chính được kiểm toán nhằm kiểm tra và báo cáo về mức độ trung thực của báo cáo tài chính được kiểm toán với các tiêu chuẩn, chuẩn mực đã được thiết lập. (Trích giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính – Nhà xuất bản tài chính năm 2011).

1.2.1.2 Cách tiếp cận

BCTC được kiểm toán bằng việc chia BCTC thành các bộ phận. Có 2 phương pháp tiếp cận là phương pháp trực tiếp và chu kỳ.

Phương pháp trực tiếp là kiểm toán theo từng khoản mục như tiền, hàng tồn kho, TSCĐ,...Theo phương pháp này nội dung kiểm toán và đối tượng thông tin trực tiếp của kiểm toán là như nhau nên dễ xác định. Tuy nhiên, các chỉ tiêu trên BCTC không hoàn toàn độc lập với nhau nên việc triển khai kiểm toán theo phương pháp này thường không đạt hiệu quả cao.

Phương pháp chu kỳ, những loại chỉ tiêu có liên quan đến cùng 1 loại nghiệp vụ được nghiên cứu trong mối quan hệ như nhau. Các nghiệp vụ, các chi tiết có thể khái quát thành các chu kỳ sau:

- Chu kỳ mua hàng và thanh toán
- Chu kỳ bán hàng và thu tiền
- Chu kỳ nhân sự và tiền lương
- Chu kỳ hàng tồn kho chi phí và giá thành
- Chu kỳ huy động vốn và hoàn trả
- Kiểm toán tiền

Kiểm toán nghiệp vụ cho phép xác định hoặc thu hẹp phạm vi kiểm toán cơ bản đối với các số dư hoặc số tiền trên BCTC.

Dù tiếp cận theo phương pháp nào thì cuối cùng kiểm toán vẫn phải đưa ra ý kiến nhận xét tổng quát, toàn bộ về BCTC được kiểm toán. Nhưng do các nghiệp vụ ảnh hưởng và kết nối số dư trong mỗi chu kỳ, giữa các chu kỳ lại có mối liên hệ chặt chẽ hơn với nhau nên kiểm toán theo chu kỳ sẽ khoa học hơn và tiết kiệm chi phí hơn so với phương pháp trực tiếp.

Đối với TSCĐ, kiểm toán thực hiện theo khoản mục.

1.2.1.3 Mục tiêu kiểm toán Báo cáo tài chính

Trong kiểm toán báo cáo tài chính, đối tượng kiểm toán là các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo tài chính: gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và Thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này chứa đựng những thông tin tài chính phản ánh kết quả, các mặt hoạt động của doanh nghiệp bằng các chỉ tiêu giá trị, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình và kết quả lưu chuyển tiền tệ và các thông tin cần thiết khác để nhà quản lý, chính phủ, các ngân hàng, nhà đầu tư, cho người bán, người mua sử dụng báo cáo tài chính có thể phân tích, đánh giá đúng đắn tình hình và kết quả kinh doanh của đơn vị.

□ Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 200, mục tiêu của kiểm toán BCTC là:

-Giúp cho kiểm toán viên và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng báo cáo tài chính có được trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không.

-Mục tiêu của kiểm toán báo cáo tài chính còn giúp cho đơn vị được kiểm toán thấy rõ những tồn tại, sai sót để khắc phục nhằm nâng cao chất lượng thông tin tài chính của đơn vị.

□ Các mục tiêu kiểm toán cụ thể:

-Xác minh tính có thật và có căn cứ hợp lý: KTV phải xác minh việc ghi chép và thông tin của kế toán có dựa trên các căn cứ hợp lý hay không, các nghiệp vụ phát sinh có thật sự xảy ra hay không.

-Tính đầy đủ: KTV kiểm tra tất cả các nghiệp vụ, các sự kiện kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán có được ghi chép vào sổ và báo cáo kế toán không.

-Sự đánh giá: KTV phải kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép vào sổ và báo cáo kế toán có được đánh giá chính xác về giá trị không.

-Sự phân loại: KTV phải xác minh được tính hợp lý của sự phân loại các giao dịch đã được phản ánh vào hệ thống các tài khoản kế toán và hệ thống báo cáo kế toán.

-Tính đúng kỳ: KTV phải xác minh và kiểm định lại các sự kiện, nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được ghi chép và báo cáo đúng kỳ phát sinh hay không.

-Cộng dồn và chuyển sổ: KTV phải kiểm tra xác minh xem các giao dịch phát sinh có được kế toán theo dõi ghi chép liên tục không, việc cộng dồn và chuyển sổ có thực hiện đúng quy định không.

-Trình bày công khai: KTV phải kiểm tra các nghiệp vụ, các giao dịch có được ghi chép, báo cáo trên hệ thống sổ và báo cáo kế toán không, sổ và báo cáo kế toán có hợp thức và hợp pháp không.

1.2.2 Mục tiêu và căn cứ kiểm toán khoản mục Tài sản cố định

1.2.1.1 Mục tiêu kiểm toán khoản mục Tài sản cố định

Phù hợp với mục đích chung của kiểm toán BCTC là xác nhận mức độ tin cậy của BCTC được kiểm toán; Mục tiêu cụ thể của kiểm toán TSCĐ là thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp từ đó đưa ra lời xác nhận về mức độ tin cậy của các thông tin tài chính có liên quan. Các thông tin tài chính có liên quan bao gồm, các thông tin về nguyên giá, giá trị hao mòn, các khoản chi phí có liên quan đến TSCĐ như chi phí khấu hao trong chi phí sản xuất kinh doanh từ đó tác động đến các chỉ tiêu lợi nhuận, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh được tổng hợp và trình bày trong các báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị.

Trên cơ sở mục đích kiểm toán TSCĐ ta xác định các mục tiêu kiểm toán cụ thể như sau:

Đối với các nghiệp vụ về TSCĐ:

-Sự phát sinh: Tất cả các nghiệp vụ TSCĐ được ghi sổ trong kỳ là phát sinh thực tế, không có các nghiệp vụ ghi không.

-Tính toán, đánh giá: Đảm bảo các nghiệp vụ TSCĐ được xác định theo đúng các nguyên tắc, chế độ kế toán hiện hành và được tính đúng đắn không có sai sót.

-Đầy đủ: Các nghiệp vụ TSCĐ phát sinh trong kỳ đều được phản ánh, theo dõi đầy đủ trên các sổ kế toán.

-Đúng đắn: Các nghiệp vụ TSCĐ phát sinh trong kỳ đều được phân loại đúng đắn theo quy định của các chuẩn mực, chế độ kế toán liên quan và quy định đặc thù của doanh nghiệp; các nghiệp vụ này được hạch toán đúng trình tự và phương pháp kế toán.

-Đúng kỳ: Các nghiệp vụ TSCĐ đều được hạch toán đúng kỳ phát sinh theo cơ sở dồn tích...

Đối với số dư các Tài khoản TSCĐ:

-Sự hiện hữu: Tất cả các TSCĐ được doanh nghiệp trình bày trên BCTC là phải tồn tại thực tế tại thời điểm báo cáo. Số liệu trên các báo cáo phải khớp đúng với số liệu kiểm kê thực tế của doanh nghiệp;

-Đánh giá: Số dư các tài khoản TSCĐ được đánh giá theo đúng quy định của Chuẩn mực, chế độ kế toán và quy định cụ thể của doanh nghiệp;

-Tính toán: Việc tính toán xác định số dư TSCĐ là đúng đắn không có sai sót;

-Đầy đủ: Toàn bộ TSCĐ được trình bày đầy đủ trên BCTC (không bị thiếu hoặc bị sót);

-Đúng đắn: TSCĐ phải được phân loại đúng đắn để trình bày trên các BCTC;

-Cộng dồn: Số liệu lũy kế tính dồn trên các sổ chi tiết TSCĐ được xác định đúng đắn. Việc kết chuyển số liệu từ các Sổ kế toán chi tiết sang các Sổ kế toán tổng hợp và Sổ Cái không có sai sót;

-Báo cáo: Các chỉ tiêu liên quan đến TSCĐ trên BCTC được xác định đúng theo các quy định của Chuẩn mực, chế độ kế toán và không có sai sót.

1.2.1.2 Căn cứ kiểm toán khoản mục Tài sản cố định

Để có thể tiến hành kiểm toán và có thể đưa ra nhận xét về các chỉ tiêu có liên quan đến TSCĐ trên Báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải dựa trên các thông tin và tài liệu sau:

- Các nội quy, quy chế của nội bộ đơn vị liên quan đến việc mua sắm, quản lý, sử dụng thanh lý nhượng bán tài sản cố định.
- Sổ cái và sổ chi tiết các tài khoản liên quan tài sản cố định; Báo cáo tài chính, bảng cân đối số phát sinh;
- Danh sách chi tiết tài sản cố định tăng, thanh lý, chuyển nhượng, giảm khác trong kỳ theo từng loại;
- Bảng khấu hao tài sản cố định trong kỳ;
- Chứng từ liên quan đến tài sản cố định trong kỳ;
- Hồ sơ tài sản cố định: Danh mục tài sản cố định phân bổ theo nhóm, biên bản kiểm kê tài sản cố định.

Các nguồn tài liệu về quá trình xử lý kế toán chủ yếu cung cấp bằng chứng liên quan trực tiếp đến các cơ sở dẫn liệu của các thông tin tài chính đã trình bày trên báo cáo tài chính được kiểm toán.

1.2.3 Quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định

Để thực hiện cuộc Kiểm toán có hiệu quả thì cần phải xây dựng một quy trình kiểm toán cụ thể và phù hợp với mục tiêu đề ra. Thông thường một quy trình kiểm toán gồm 3 giai đoạn:

- Lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán
- Kết thúc kiểm toán

1.2.3.1 Lập kế hoạch kiểm toán

Để đảm bảo cuộc kiểm toán có hiệu quả, kế hoạch kiểm toán phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán. Có ba lý do chính cho việc lập kế hoạch kiểm toán một cách đúng đắn: giúp KTV thu thập bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp, giúp giữ chi phí kiểm toán ở mức hợp lý, và để tránh những bất đồng với khách hàng.

Các công việc trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán bao gồm các công việc cơ bản sau:

Xem xét chấp nhận hợp đồng

Trước khi tiến hành lập kế hoạch kiểm toán kiểm toán viên cần quyết định việc chấp nhận khách hàng mới hoặc tiếp tục với các khách hàng cũ, nhận diện các lý do kiểm toán của khách hàng, đạt được hợp đồng kiểm toán và bố trí nhân sự cho cuộc kiểm toán.

Hợp đồng kiểm toán là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa công ty kiểm toán và khách hàng về sự điều hành cuộc kiểm toán và các dịch vụ khác có liên quan trong đó sẽ xác định mục tiêu, phạm vi kiểm toán, quyền và trách nhiệm của mỗi bên, hình thức báo cáo kiểm toán, thời gian thực hiện và phí kiểm toán.

Sau khi xem xét và quyết định chấp nhận khách hàng công ty kiểm toán sẽ lập hợp đồng và gửi cho khách hàng. Công ty lựa chọn các kiểm toán viên có kinh nghiệm, hiểu biết về ngành nghề kinh doanh của khách hàng và các trợ lý kiểm toán để thành lập nhóm kiểm toán. Nhóm kiểm toán phải cam kết về tính độc lập của kiểm toán viên trước khi tiến hành các bước tiếp theo của cuộc kiểm toán.

Thu thập thông tin khách hàng

Sau khi chấp nhận hợp đồng kiểm toán, kiểm toán viên phải thu thập những thông tin chi tiết cần thiết ngay từ khi bắt đầu công việc kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên phải luôn xem xét, đánh giá, cập nhật và bổ sung thêm các thông tin mới về khách hàng có liên quan đến cuộc kiểm toán.

Hiểu biết của kiểm toán viên về khách hàng kiểm toán bao gồm những hiểu biết tổng quan về nền kinh tế, lĩnh vực hoạt động, tổ chức hoạt động của Doanh nghiệp... Mức độ hiểu biết của kiểm toán viên về khách hàng không nhất thiết phải như ban giám đốc của đơn vị được kiểm toán.

Trước hết là việc thu thập thông tin, nghĩa vụ pháp lý của khách hàng. Với kiểm toán TSCĐ thì cần phải thu thập các chứng từ pháp lý, sổ sách như: biên bản góp vốn, biên bản bàn giao, giấy chứng nhận liên doanh liên kết, tuyên bố hợp nhất...

Việc thu thập các thông tin cần thiết về tình hình kinh doanh của đơn vị là một quá trình tích lũy liên tục, bao gồm việc thu thập, đánh giá và đối chiếu thông tin thu thập được với các bằng chứng kiểm toán ở tất cả các giai đoạn của quá trình kiểm toán. Các thông tin đã thu thập ở giai đoạn lập kế hoạch vẫn phải tiếp tục cập nhật và bổ sung thêm ở giai đoạn kế tiếp để kiểm toán viên hiểu biết đầy đủ hơn về hoạt động của đơn vị.

Thứ hai là việc tìm hiểu về hoạt động kinh doanh của khách hàng. Việc nắm rõ đặc điểm ngành nghề kinh doanh của khách hàng rất quan trọng, điều này đảm bảo cho Kiểm toán viên có được cái nhìn đầy đủ về khách hàng từ xác định được trọng tâm của công việc đáp ứng cho yêu cầu công việc sau này. Một ví dụ là kiểm toán TSCĐ trong công ty chuyên về than sẽ khác với một công ty kinh doanh khách sạn. Trong chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 310 quy định: “ để thực hiện kiểm toán BCTC, KTV phải có hiểu biết cần thiết, đầy đủ về hoạt động kinh doanh nhằm đánh giá và phân tích được sự kiện, nghiệp vụ và thực tiễn hoạt động của đơn vị được kiểm toán mà theo KTV thì có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, đến việc kiểm tra của KTV hoặc tới BCTC.”

Thông thường các thông tin về khách hàng cần được thu thập cụ thể như sau:

- Thu thập chứng từ pháp lý, sổ sách.
- Xác định quy mô TSCĐ, nắm bắt cơ cấu đầu tư vào tài sản cố định, cơ cấu vốn của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của khách hàng.
- Xem xét những khía cạnh đặc thù của khách hàng: ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tổ chức, dây chuyền sản xuất... để tìm hiểu những sự kiện, nghiệp vụ có ảnh hưởng đến TSCĐ nói riêng và báo cáo tài chính nói chung.
- Tham quan nhà xưởng, xác minh TSCĐ, phát hiện những vấn đề cần quan tâm: máy móc cũ, lạc hậu sản xuất trì trệ, sản phẩm ứ đọng...
- Trao đổi với Ban giám đốc, kế toán trưởng hoặc kế toán TSCĐ và cán bộ nhân viên khác trong đơn vị về tính hình biến động TSCĐ trong công ty và việc sử dụng có hợp lý.

-Tìm hiểu mục tiêu, chiến lược kinh doanh của khách hàng, các mục tiêu đó có liên quan gì đến biến động TSCĐ.

-Tìm hiểu về môi trường kinh doanh các yếu tố bên ngoài tác động đến khách hàng: pháp luật, khoa học kỹ thuật...

-Trao đổi với KTV nội bộ (nếu có) về TSCĐ, trích khấu hao và xem xét Báo cáo kiểm toán nội bộ.

-KTV cần xem xét lại kết quả của cuộc kiểm toán năm trước và hồ sơ kiểm toán, tìm hiểu những thông tin quan trọng như: chính sách tài chính, các sai phạm liên quan đến khoản mục TSCĐ năm trước...

Để sử dụng hiệu quả các hiểu biết về tình hình kinh doanh, kiểm toán viên phải đánh giá, xem xét mức độ ảnh hưởng tổng thể từ những hiểu biết của mình đến báo cáo tài chính của đơn vị, cũng như sự phù hợp của các cơ sở dẫn liệu trong báo cáo tài chính so với những hiểu biết của kiểm toán viên về tình hình kinh doanh.

□Thực hiện thủ tục phân tích

Sau khi đã thu nhập được thông tin cơ sở và tìm hiểu về hoạt động kinh doanh của khách hàng, KTV tiến hành thực hiện các thủ tục phân tích. Thủ tục phân tích được KTV áp dụng cho tất cả các cuộc Kiểm toán và nó được thực hiện trong tất cả các giai đoạn Kiểm toán.

Thủ tục phân tích, theo định nghĩa của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 520: “ là việc phân tích các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng, qua đó tìm ra những xu hướng biến động và tìm ra những mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin liên quan khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến”. Thủ tục phân tích trong giai đoạn này gồm hai loại cơ bản sau:

-Phân tích ngang (Phân tích xu hướng): với khoản mục TSCĐ, KTV tiến hành so sánh số liệu năm trước với năm nay, qua đó thấy được những biến động bất thường và tìm hiểu nguyên nhân. Đồng thời có thể so sánh số liệu của ngành với số liệu của khách hàng.

-Phân tích dọc (phân tích qua các tỷ suất): là việc phân tích dựa trên việc tính ra các chỉ số liên quan và so sánh.với TSCĐ, KTV có thể sử dụng tỷ suất tự tài trợ, tỷ suất đầu tư...

□ Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ

Nghiên cứu hệ thống KSNB của khách hàng và đánh giá được các rủi ro kiểm soát giúp cho KTV thiết kế được những thủ tục kiểm toán thích hợp cho khoản mục TSCĐ, từ đó đánh giá được khối lượng và độ phức tạp của cuộc kiểm toán, ước tính thời gian và xác định được trọng tâm của cuộc kiểm toán.

Trong chuẩn mực kiểm toán số 02 nêu rõ: “KTV phải có đủ hiểu biết về HTKT và HTKSNB của khách hàng để lập kế hoạch và xây dựng cách tiếp cận có hiệu quả. KTV phải sử dụng đến xét đoán chuyên môn để đánh giá về rủi ro Kiểm toán và xác định các thủ tục Kiểm toán nhằm các rủi ro này xuống một mức chấp nhận được”. Hệ thống kiểm soát nội bộ càng hữu hiệu thì rủi ro kiểm soát càng nhỏ và ngược lại, rủi ro kiểm soát cao khi hệ thống kiểm soát nội bộ kém hiệu quả.

KTV cần quan tâm đến hệ thống KSNB trên hai phương diện:

-Cách thiết kế: KSNB đối với khoản mục TSCĐ được tiến hành như thế nào?

-Sự vận hành: KSNB đối với khoản mục TSCĐ được tiến hành ra sao?

Để tiến hành khảo sát hệ thống KSNB của khách hàng, KTV tiến hành các công việc sau:

-Phỏng vấn các nhân viên của Công ty.

-Quan sát thực tế TSCĐ.

-Kiểm tra chứng từ sổ sách liên quan đến TSCĐ.

-Lấy xác nhận bằng văn bản của bên thứ ba (nếu cần).

-Quan sát các thủ tục KSNB đối với TSCĐ.

-Thực hiện các thủ tục kiểm soát nếu cần.

Sau khi tiến hành các bước công việc trên, KTV cần đánh giá rủi ro kiểm soát và thiết kế các thử nghiệm kiểm soát:

-Xác định các loại gian lận có thể có đối với khoản mục TSCĐ.

-Đánh giá tính hiện hữu của hệ thống KSNB trong việc phát hiện và ngăn chặn các gian lận và sai sót đó.

Tùy vào mức độ rủi ro kiểm soát được đánh giá mà KTV có thể tiếp tục tiến hành các thử nghiệm kiểm soát hoặc các thử nghiệm cơ bản ở mức độ hợp lý. Khi tiến hành thu thập thông tin khách hàng, KTV có thể đặt ra những câu hỏi về các vấn đề cần quan tâm như sau:

- Có tiến hành kiểm kê định kỳ tài sản và đối chiếu với sổ kế toán.
- Có thường xuyên đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết với sổ tổng hợp.
- Khi tiến hành mua sắm TSCĐ có tiến hành lập kế hoạch và dự toán?
- Chênh lệch giữa giá thực tế và dự toán có được phê duyệt đầy đủ?
- Chính sách ghi nhận TSCĐ và việc trích khấu hao có hợp lý? Phương pháp tính khấu hao có phù hợp?

-Khi tiến hành thanh lý nhượng bán TSCĐ có thành lập hội đồng gồm các thành viên theo quy định?

-Công tác quản lý bảo quản TSCĐ có được thực hiện theo đúng quy định, nguyên tắc?...

Đánh giá trọng yếu và rủi ro kiểm soát

*Đánh giá trọng yếu:

Định nghĩa trọng yếu theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 320 “là thuật ngữ chỉ tầm quan trọng của thông tin (một số liệu kế toán) trong BCTC...” có nghĩa là “thông tin là trọng yếu nếu việc bỏ sót hoặc sai sót của thông tin đó có thể ảnh hưởng tới quyết định kinh tế của người sử dụng BCTC...”. Điều đó cho thấy trách nhiệm của KTV là xác định xem các BCTC có chứa đựng các sai phạm trọng yếu hay không. Từ đó đưa ra kiến nghị thích hợp về BCTC với ban giám đốc. Việc tiến hành đánh giá mức trọng yếu có thể tiến hành khái quát như sau:

Bước 1: Ước lượng ban đầu về mức trọng yếu

Bước 2: Phân bổ ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho khoản mục TSCĐ

Bước 3: Ước tính tổng sai phạm cho khoản mục TSCĐ

Bước 4: Ước tính sai số kết hợp

Bước 5: So sánh sai số tổng hợp ước tính với ước lượng ban đầu hoặc xét lại ước lượng ban đầu về tính trọng yếu...

Ban đầu KTV ước tính về trọng yếu căn cứ vào tỷ lệ % các chỉ tiêu lợi nhuận, doanh thu, tài sản... cho toàn bộ BCTC. Tiếp theo đó tiến hành phân bổ mức trọng yếu cho các khoản mục trên BCTC. Thông qua các biện pháp kiểm toán, KTV đánh giá mức độ sai sót thực tế của TSCĐ và so sánh với mức có thể chấp nhận được đã xác định từ trước để từ đó đưa ra ý kiến của KTV.

* Đánh giá rủi ro:

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 400: “Rủi ro kiểm toán (AR) là rủi ro KTV và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến nhận xét không thích hợp khi BCTC đã được kiểm toán còn những sai sót trọng yếu”.

Để đánh giá rủi ro kiểm toán có thể đánh giá ba loại rủi ro: Rủi ro tiềm tàng (IR), rủi ro kiểm soát (CR), rủi ro phát hiện (DR). đây là 3 bộ phận cấu thành của rủi ro kiểm toán, căn cứ vào mối quan hệ được phản ánh trong mô hình sau:

$$AR=IR*CR*DR$$

Trong đó:

AR: là rủi ro kiểm toán

CR : là rủi ro kiểm soát

DR : là rủi ro phát hiện

IR : là rủi ro tiềm tàng

Khi tiến hành kiểm toán TSCĐ cần chú ý những rủi ro sau có thể xảy ra:

-Liên quan đến nguyên giá TSCĐ: có thể bị phản ánh sai lệch với thực tế. ghi nhận không đúng giá trị tài sản tăng giảm, kết chuyển nguồn không đúng.

-Liên quan đến khấu hao TSCĐ: phương pháp tính khấu hao không phù hợp, cách tính và phân bổ không hợp lý, không phù hợp với quy định hiện hành.

-Liên quan đến sửa chữa nâng cấp TSCĐ: nghiệp vụ sửa chữa có thể bị hiểu lầm về bản chất với nghiệp vụ nâng cấp và ngược lại. Do đó việc ghi nhận tăng TSCĐ là không đúng

-Liên quan đến hoạt động thanh lý: xác định nhằm giá trị còn lại của tài sản mang thanh lý. Tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn tiếp tục trích khấu hao.

-Đối với hoạt động cho thuê và đi thuê TSCĐ: nhiều nghiệp vụ đi thuê không được phân loại đúng hình thức thuê cũng như tài sản cho thuê không được phân loại đúng như nội dung hợp đồng cho thuê.

-Trên đây chỉ là một số sai sót tiềm tàng hay gặp phải khi kiểm toán TSCĐ mà KTV cần phải lưu ý. Trong quá trình tiến hành kiểm toán, KTV sử dụng các biện pháp kỹ thuật kiểm toán để phát hiện những sai sót tiềm tàng và hạn chế tối đa rủi ro này.

□ **Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán**

Kế hoạch kiểm toán tổng thể là toàn bộ những dự kiến chi tiết, cụ thể về nội dung, phương pháp, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm toán được áp dụng cho một cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán tổng thể do các trưởng nhóm kiểm toán lập và phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán. Đây là cơ sở để lập chương trình kiểm toán.

Chương trình kiểm toán là một bảng liệt kê, chỉ dẫn các thủ tục kiểm toán chi tiết tương ứng với mục tiêu kiểm toán của các công việc kiểm toán cụ thể được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Chương trình kiểm toán phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán, trong đó xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thiết.

Kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán sẽ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình kiểm toán nếu có những thay đổi về tình huống hoặc do những kết quả ngoài dự đoán của các thủ tục kiểm toán. Nội dung và nguyên nhân thay đổi kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán phải được ghi rõ trong hồ sơ kiểm toán.

1.2.3.2 Thực hiện kiểm toán

Đây là giai đoạn chủ yếu và quan trọng nhất trong cuộc kiểm toán. Thực chất của giai đoạn này là việc KTV áp dụng các phương pháp kỹ thuật và nghiệp vụ đã xác định trong chương trình kiểm toán để thu thập những thông tin tài liệu cần thiết làm cơ sở cho những nhận xét của mình trong báo cáo kiểm toán.

Giai đoạn thực hiện kiểm toán gồm 2 bước:

Bước 1: Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát:

Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 500 quy định: “ Thử nghiệm kiểm soát (kiểm tra hệ thống kiểm soát) là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán về sự thiết kế phù hợp và sự vận hành hữu hiệu của hệ thống kế toán và hệ thống KSNB”. Thử nghiệm kiểm soát chỉ được thực hiện khi hệ thống KSNB được đánh giá là có hiệu lực. Khi đó thử nghiệm kiểm soát được triển khai nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về thiết kế và hoạt động của hệ thống KSNB.

KTV thực hiện thử nghiệm khảo sát nội bộ đối với khoản mục TSCĐ thông qua phương thức chủ yếu là quan sát việc quản lý sử dụng TSCĐ tại đơn vị, phỏng vấn những người có liên quan, kiểm tra chứng từ sổ sách, làm lại thủ tục kiểm soát TSCĐ của đơn vị. các nghiệp vụ TSCĐ phải được ghi sổ một cách đúng đắn. KTV phải kiểm tra được toàn bộ quá trình nêu trên để xem xét hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán.

Ngoài ra, căn cứ vào mục tiêu kiểm toán và quá trình khảo sát nghiệp vụ chủ yếu, KTV cũng thực hiện các khảo sát kiểm toán, có thể khái quát các khảo sát phổ biến đối với TSCĐ qua bảng sau:

Bảng 1.1: Các khảo sát kiểm soát (Thử nghiệm kiểm soát)

Mục tiêu kiểm soát nội bộ	Quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu	Các khảo sát kiểm toán phổ biến
Tính hiệu lực	<ul style="list-style-type: none">- TSCĐ ghi trong sổ sách hiện do doanh nghiệp quản lý sử dụng, tính độc lập bộ phận quản lý TSCĐ và việc tách biệt bộ phận này với bộ phận ghi sổ.- Sự có thật của công văn xin đề nghị mua TSCĐ	<ul style="list-style-type: none">- Quan sát TSCĐ ở đơn vị và xem xét sự tách biệt giữa các chức năng quản lý và ghi sổ với bộ phận bảo quản TSCĐ.- Kiểm tra chứng từ, sự luân chuyển chứng từ và dấu hiệu của KSNB

	<p>công văn duyệt mua, hợp đồng mua, biên bản bàn giao TSCĐ đưa vào sử dụng và thẻ TSCĐ.</p> <p>- Các chứng từ thanh lý nhượng bán TSCĐ được hủy bỏ, tránh việc sử dụng lại.</p>	<p>- Kiểm tra tính đầy đủ của chứng từ có liên quan đến TSCĐ .</p>
Tính đầy đủ	<p>Mỗi TSCĐ có một bộ hồ sơ, được ghi chép từ khi mua, nhận TSCĐ về đơn vị cho tới khi nhượng bán thanh lý TSCĐ. Việc ghi chép, tính nguyên giá TSCĐ đều dựa trên cơ sở chứng từ hợp lệ nêu trên.</p>	<p>Kiểm tra tính đầy đủ của chứng từ có liên quan đến TSCĐ.</p>
Quyền và nghĩa vụ	<p>TSCĐ thuộc sở hữu của đơn vị được ghi chép vào khoản mục TSCĐ, được doanh nghiệp quản lý và sử dụng. Những TSCĐ không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thì được ghi chép ngoài Bảng cân đối kế toán.</p>	<p>Kết hợp giữa việc kiểm tra vật chất (kiểm kê TSCĐ) với việc kiểm tra chứng từ, hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu của tài sản.</p>
Sự phê chuẩn	<p>Phê chuẩn các nghiệp vụ tăng, giảm, trích khấu hao TSCĐ được phân cấp đối với các nhà quản lý doanh nghiệp.</p>	<p>- Phỏng vấn những người có liên quan</p> <p>- Kiểm tra dấu hiệu của sự phê chuẩn</p>
Sự chính xác	<p>- Tất cả các chứng từ liên quan tới việc mua, thanh lý... TSCĐ ở đơn vị đều được phòng kế toán tập hợp</p>	<p>- Xem xét dấu hiệu kiểm tra của hệ thống KSNB.</p> <p>- Cộng lại một số chứng từ phát sinh của TSCĐ.</p>

	<p>và tính toán đúng đắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc công sổ chi tiết và sổ tổng hợp TSCĐ là chính xác và được kiểm tra đầy đủ. 	
Tính kịp thời	<p>Việc ghi sổ và cộng sổ TSCĐ được thực hiện kịp thời ngay khi có nghiệp vụ phát sinh và đáp ứng yêu cầu lập Báo cáo kế toán của DN.</p>	<p>Kiểm tra tính đầy đủ và kịp thời của việc ghi chép.</p>
Phân loại và trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp có quy định về việc phân loại chi tiết TSCĐ phù hợp với yêu cầu quản lý - Các quy định về trình tự ghi sổ các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ từ sổ chi tiết đến sổ tổng hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phỏng vấn những người có trách nhiệm để tìm hiểu quy định phân loại TSCĐ trong DN. - Kiểm tra hệ thống tài khoản và sự phân loại sổ sách kế toán. - Xem xét trình tự ghi sổ và dấu hiệu của KSNB.

Bước 2: Thực hiện các thủ tục phân tích và kiểm tra chi tiết

Thủ tục phân tích

Trước khi tiến hành kiểm tra chi tiết số dư, tình hình tăng giảm trong kỳ, KTV cần thu thập bảng tổng hợp TSCĐ đối chiếu với bảng kê chi tiết TSCĐ, với sổ cái và bảng cân đối kế toán để đảm bảo tính thống nhất giữa các loại sổ sách chứng từ. Đây là thủ tục đơn giản nhưng khá quan trọng do nếu không cẩn thận sai số ngay từ đầu thì các bước tiếp theo đều sẽ không còn sự chính xác.

Sau đó KTV cần thu thập lập ra một bảng phân tích trong đó liệt kê số dư đầu kỳ, số phát sinh tăng giảm trong kỳ, để từ đó tính ra số dư cuối kỳ.

Số dư đầu kỳ sẽ được kiểm tra thông qua việc đối chiếu với các tài liệu kiểm toán năm trước.

Đối với các tài sản tăng trong năm, KTV sẽ thu thập hợp đồng mua bán; hóa đơn; biên bản bàn giao tài sản; biên bản thanh lý hợp đồng; các chứng từ liên quan tới chi phí hình thành nên tài sản bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử.

Đối với các tài sản giảm trong năm, KTV sẽ thu thập quyết định thanh lý TSCĐ; hợp đồng mua bán; hóa đơn; Biên bản bàn giao tài sản; các chứng từ liên quan khác để đảm bảo giá trị bán, lỗ lãi trong quá trình thanh lý. Kiểm tra các chứng từ đi kèm để đảm bảo nguyên giá của TSCĐ được ghi nhận tăng giảm đúng trên sổ sách.

Với tăng tài sản từ xây dựng và vốn hóa: Bạn vẫn cần xem các chứng từ như hợp đồng, hóa đơn nhưng cần xem thêm các chi phí nhân công và chi phí khác được vốn hóa vào trong tài sản cố định.

Xác định các tài sản không sử dụng hoặc có thể sẽ không được sử dụng trong năm tới do thay đổi công nghệ sản xuất.

Việc thực hiện thủ tục phân tích đối với TSCĐ thông thường cũng được thực hiện thông qua việc tính toán và phân tích một số tỷ suất tài chính sau:

-Tỷ trọng giữa TSCĐ và tổng tài sản nhằm so sánh với số liệu chung của ngành, phát hiện ra các biến động bất thường cần được giải thích.

-So sánh tỉ lệ tổng chi phí khấu hao TSCĐ so với tổng nguyên giá TSCĐ của năm nay so với các năm trước nhằm nhận định, tìm hiểu sai sót có thể có khi tiến hành tính số khấu hao tại kỳ kiểm toán.

-So sánh tỷ lệ khấu hao lũy kế với tổng nguyên giá TSCĐ năm nay với năm trước nhằm phát hiện khả năng khấu hao lũy kế của đơn vị phản ánh không chính xác.

-So sánh tổng giá trị tài sản tăng giảm năm nay với năm trước xem có sự chênh lệch lớn, tìm ra nguyên nhân.

-So sánh tỷ lệ tổng nguyên giá TSCĐ với giá trị tổng sản lượng của các năm trước để tìm kiếm các TSCĐ không sử dụng vào sản xuất kinh doanh hoặc đã được thanh lý nhượng bán nhưng không ghi sổ.

□ Thủ tục kiểm tra chi tiết

Việc kiểm tra chi tiết khoản mục TSCĐ chủ yếu tập trung vào những nghiệp vụ có nhiều nghi vấn như: giá trị nghiệp vụ lớn, so sánh số liệu không phù hợp với thực tế, thiếu các chứng từ liên quan. Mục tiêu của thủ tục kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tài sản cố định là tìm ra những điểm bất hợp lý, sai số trong tính toán, hạch toán sai quy định...

•Kiểm tra chi tiết tăng, giảm TSCĐ

Việc kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình kiểm toán TSCĐ. Việc phản ánh đúng đắn các nghiệp vụ này có tác động và ảnh hưởng lâu dài đến các BCTC của đơn vị. Các sai phạm trong việc ghi chép nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ không những ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên BCĐKT mà còn ảnh hưởng trọng yếu đến các BCTC khác như: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Việc kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ được thực hiện phù hợp với các mục tiêu kiểm toán cụ thể như sau:

Bảng 1.2: Thủ tục kiểm tra chi tiết tăng giảm Tài sản cố định

Mục tiêu kiểm toán	Thủ tục kiểm tra chi tiết	Các vấn đề lưu ý
- Đảm bảo cho các nghiệp vụ tăng, giảm được phê chuẩn đúng đắn	- So sánh tổng nguyên giá TSCĐ tăng năm nay so với các năm trước. - Đánh giá tính hợp lý của các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ với tình hình hoạt động thực tế của đơn vị (khả năng, công suất máy móc thiết bị điện có, nhu cầu máy móc thiết bị, mức độ cũ mới của máy móc thiết bị...) - Đánh giá tính hợp lý của việc phê chuẩn giá mua, bán của các TSCĐ tăng giảm trong kỳ...	- KTV phải có hiểu biết đầy đủ, sâu sắc về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Đảm bảo cho các	- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ	- Các thử nghiệm này sẽ

<p>nghiệp vụ TSCĐ là có căn cứ hợp lý</p>	<p>và hợp pháp của các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ (hóa đơn mua, biên bản giao nhận TSCĐ, tài liệu quyết toán vốn đầu tư, ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể kết hợp kiểm tra các chứng từ, tài liệu với kiểm tra vật chất thực tế TSCĐ. - Kiểm tra quá trình mua sắm, các chứng từ tài liệu liên quan đến việc mua sắm TSCĐ, các chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử... 	<p>được thực hiện ở quy mô tương đối lớn khi hệ thống KSNB của đơn vị được đánh giá là yếu (Rủi ro kiểm soát cao).</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo sự đánh giá đúng đắn, hợp lý của nghiệp vụ TSCĐ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đúng đắn, phù hợp và nhất quán của các chính sách xác định nguyên giá TSCĐ mà doanh nghiệp áp dụng. - Đối chiếu số liệu trên các chứng từ pháp lý liên quan đến - Tính toán lại nguyên giá TSCĐ trên cơ sở các chứng từ đã kiểm tra... 	<ul style="list-style-type: none"> - Phải nắm vững các nguyên tắc, quy định về đánh giá TSCĐ. - Mức độ khảo sát phụ thuộc vào việc đánh giá hệ thống KSNB.
<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cho việc phân loại và hạch toán đúng đắn các nghiệp vụ TSCĐ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chính sách phân loại và sơ đồ hạch toán TSCĐ của doanh nghiệp, đảm bảo sự hợp lý và phù hợp với các quy định hiện hành - Chọn mẫu các nghiệp vụ TSCĐ để kiểm tra việc phân loại, xem xét bút toán ghi sổ và các sổ kế toán 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu này thường được kết hợp khi kiểm toán tính đầy đủ và việc tính toán, đánh giá TS
<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cho việc hạch toán đầy đủ, 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu các chứng từ tăng, giảm TSCĐ (hóa đơn, biên bản 	<ul style="list-style-type: none"> - Đây là một trong các mục tiêu quan trọng

<p>đúng kỳ các nghiệp vụ TSCĐ</p>	<p>giao nhận,...) với các sổ kế toán chi tiết TSCĐ nhằm đảm bảo việc hạch toán không bị bỏ sót.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ để phát hiện các trường hợp quên ghi sổ TSCĐ, hoặc ghi nhận TSCĐ thành các khoản khác (chi phí trả trước, chi phí XDCB...) - Kiểm tra đối chiếu ngày, tháng các chứng từ tăng, giảm TSCĐ với ngày tháng ghi sổ các nghiệp vụ này (đặc biệt đối với các nghiệp vụ phát sinh cuối các niên độ kế toán và đầu niên độ sau) 	<p>nhất của kiểm toán TS</p>
<p>- Đảm bảo sự cộng dồn (tính toán tổng hợp) đúng đắn các nghiệp vụ TSCĐ và đầu tư dài hạn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu số liệu giữa các sổ chi tiết, sổ tổng hợp, các bảng kê với nhau và với sổ cái tổng hợp. - Đối chiếu số liệu trên các sổ kế toán TSCĐ với kết quả kiểm tra thực tế TSCĐ. 	

Việc kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ thường kết hợp với quá trình kiểm tra chi tiết số dư của các khoản TSCĐ. Quy mô các khảo sát nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ phụ thuộc vào tính trọng yếu, mức độ rủi ro kiểm soát của đơn vị mà KTV đã đánh giá, cũng như kinh nghiệm và kết quả kiểm toán các niên độ trước (nếu có).

•Kiểm tra chi tiết số dư các tài khoản TSCĐ:

-Với số dư đầu kỳ: Nếu khoản mục TSCĐ đã được kiểm toán năm trước hoặc đã khẳng định là chính xác thì không phải kiểm tra. Trong trường hợp

ngược lại, KTV phải chia số dư đầu kỳ thành các bộ phận nhỏ chi tiết ứng với từng loại TSCĐ và đối chiếu số chi tiết với số tổng hợp để xem xét tính chính xác của các số dư.

-Với số dư cuối kỳ: dựa trên cơ sở số dư đầu kỳ và nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ trong kỳ của doanh nghiệp để xác định, đồng thời cần kiểm tra, đánh giá kết quả kiểm kê TSCĐ của doanh nghiệp. trong quá trình kiểm kê cần chọn mẫu một vài TSCĐ ở số chi tiết để đối chiếu với TSCĐ trong thực tế.

•Kiểm tra chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao là một loại chi phí ước tính, nghĩa là việc xác định chi phí phải trích hàng năm là một sự ước tính chứ không phải là chi phí thực tế phát sinh. Mức khấu hao phụ thuộc vào 2 nhân tố là nguyên giá và thời gian trích khấu hao.

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 540: “KTV phải thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán một cách thích hợp về các ước tính kế toán trong báo cáo tài chính. Trích KH TSCĐ là một trong những ước tính kế toán cần được kiểm tra”. Mục tiêu chủ yếu của kiểm toán khấu hao là xem xét việc đánh giá, phân bổ khấu hao của đơn vị đã hợp lý và theo đúng quy định chưa?

Để đáp ứng mục tiêu này, KTV cần xem xét phương pháp tính khấu hao và mức khấu hao đã trích để xác định xem:

-Phương pháp và thời gian trích khấu hao có tuân thủ theo quy định hiện hành không?

-Thời gian tính khấu hao đã đăng ký có được áp dụng nhất quán và phù hợp với TT45/2013/TT-BTC hay không?

-Việc tính khấu hao có chính xác?

Chương trình kiểm toán chi phí khấu hao có thể khái quát qua bảng sau:

Bảng 1.3: Thực hiện kiểm tra chi tiết với khấu hao TSCĐ

Công việc	Phương thức thực hiện
1. Kiểm tra lại các chính sách khấu hao mà đơn vị đang áp dụng	- Xem xét các phương pháp sử dụng có phù hợp với các quy định hay không? - Bảng đăng ký trích khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp có sự xét duyệt của cấp có thẩm quyền hay không?
2. Thu thập, xây dựng bảng phân tích tổng quát về khấu hao	- So sánh số dư đầu kỳ với số liệu kiểm toán năm trước - So sánh tổng số khấu hao tăng giảm với số ghi trên sổ cái - So sánh tổng số dư cuối kỳ trên sổ chi tiết và trên sổ cái.
3. Kiểm tra mức khấu hao	- So sánh tỷ lệ khấu hao của năm hiện hành với năm trước. - So sánh số phát sinh có của TK214 với chi phí khấu hao ghi trên các TK chi phí. - Xem xét phương pháp tính khấu hao mà đơn vị đang sử dụng, tính nhất quán trong việc áp dụng phương pháp tính khấu hao. - Chú ý đến nghiệp vụ mà thời gian sử dụng hay nguyên giá TSCĐ thay đổi. DN cần phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình trên cơ sở giá trị còn lại và thời gian còn lại.
4. Xem xét lại các văn bản mới nhất có liên quan đến việc điều chỉnh mức khấu hao. Qua đó xem xét lại việc áp dụng tỷ lệ và mức khấu hao cho phù hợp.	

•Kiểm tra chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

Mục tiêu của việc kiểm tra này nhằm xác định các khoản chi phí nào sẽ ghi tăng nguyên giá TSCĐ hoặc tính vào chi phí của niên độ. KTV tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của việc ghi nhận chi phí thông qua việc xác định xem khoản chi phí này có chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó hay không? Nếu phát hiện chi phí phát sinh không

thỏa mãn điều kiện này thì phải được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Các khoản chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ bao gồm: các khoản chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo... đối với TSCĐ.

Đối với nguồn chi cho sửa chữa lớn cần xem xét đến hai loại hình sau:

-Sửa chữa lớn nhằm cải tạo, nâng cấp nhằm mục đích kéo dài tuổi thọ cho TSCĐ. Với loại hình này, phát sinh được vốn hóa tức là ghi tăng nguyên giá TSCĐ.

-Sửa chữa lớn nhằm phục hồi năng lực hoạt động của TSCĐ. Chi phí này sẽ được hạch toán vào chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong loại chi phí này lại được chia thành hai loại nhỏ: Sửa chữa lớn theo kế hoạch và sửa chữa lớn ngoài kế hoạch.

KTV tiến hành xem xét việc tiến hành quyết toán chi phí sửa chữa lớn theo chế độ quy định. Kiểm tra việc hạch toán chi phí sửa chữa lớn thuần và chi phí sửa chữa nâng cấp TSCĐ. Cuối cùng có thể lập ra một bảng phân tích chi phí phát sinh hàng tháng rồi đối chiếu với số phát sinh năm trước. Bất cứ chênh lệch trọng yếu nào giữa các tháng trong 2 năm đều cần được làm rõ.

1.2.3.3 Kết thúc kiểm toán

Sau khi công việc ở 2 giai đoạn trên được thực hiện cần thiết phải tổng hợp kết quả và phát hành báo cáo kiểm toán. Những nội dung chủ yếu ở giai đoạn này gồm: soát xét lại hồ sơ kiểm toán, soát xét những sự kiện phát sinh sau; đánh giá bằng chứng và tổng hợp kết quả kiểm toán; phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý.

Soát xét lại hồ sơ kiểm toán

Sau khi hoàn tất công việc kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán thường soát xét lại toàn bộ giấy tờ làm việc mà các kiểm toán viên đã thực hiện.

Công việc soát xét giấy tờ làm việc nhằm đảm bảo quá trình kiểm toán các phần hành, khoản mục được thực hiện theo đúng kế hoạch, chương trình kiểm toán và tuân thủ theo đúng Chuẩn mực kiểm toán. Từ đó, chứng minh các kết luận trong Báo cáo kiểm toán, mục tiêu kiểm toán đối với các khoản mục và phần hành được thỏa mãn. Trường hợp, trong quá trình soát xét lại giấy tờ làm việc nếu trưởng nhóm kiểm toán phát hiện ra những sai sót trong các giấy tờ làm việc, một số vấn đề mới phát sinh có ảnh hưởng tới cuộc kiểm toán thì trưởng nhóm kiểm toán sẽ thảo luận với các kiểm toán viên trong nhóm và yêu cầu các kiểm toán viên làm lại phần kiểm toán đó, thảo luận và bổ sung nhằm hoàn thiện.

□ Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC

Các cuộc kiểm toán được tiến hành sau ngày kết thúc niên độ kế toán. Do đó trong khoảng thời gian từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến khi hoàn thành Báo cáo kiểm toán có thể xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng đến BCTC của doanh nghiệp, KTV có trách nhiệm xem xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC.

Để thu thập các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ KTV có thể sử dụng các thủ tục sau:

- Phòng vấn Ban quản trị, trao đổi với Ban giám đốc khách hàng để xác định những sự kiện liên quan đến các TSCĐ hữu hình xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC.

- Xem xét lại các Báo cáo nội bộ sau ngày lập BCTC như biên bản họp Hội đồng đồng quản trị, họp Đại hội cổ đông, họp Ban giám đốc.

- Xem xét lại sổ sách được lập sau ngày lập BCTC.

- Kiểm tra các biên bản phát hành sau ngày lập BCTC như biên bản kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng.

- Kiểm tra lại kết quả của các khoản công nợ ngoài dự kiến được đánh giá là trọng yếu.

- Xem xét những TSCĐ không sử dụng và được bán sau ngày khóa sổ với giá thấp hơn nguyên giá ghi trên sổ sách.

□ Đánh giá bằng chứng và tổng hợp kết quả kiểm toán

Việc đánh giá của KTV về sự đầy đủ và thích hợp của bằng chứng kiểm toán chủ yếu phụ thuộc vào:

- Tính chất nội dung và mức độ rủi ro tiềm tàng của khoản mục TSCĐ và các nghiệp vụ liên quan.

- Hệ thống kế toán hệ thống KSNB và sự đáng giá về rủi ro kiểm soát đối với chu kì.

- Kinh nghiệm của KTV về kiểm toán khoản mục của chu kì trong những lần kiểm toán trước.

- Kết quả của các thủ tục kiểm toán, kể cả sai sót và gian lận đã được phát hiện.

- Nguồn gốc và độ tin cậy của tài liệu thông tin.

Sau khi đánh giá các bằng chứng đã thu thập được, KTV phải đưa ra ý kiến rằng các chỉ tiêu của khoản mục TSCĐ trên BCTC có đảm bảo tính trung thực

hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu không, các mục tiêu của kiểm toán có thỏa mãn không.

□ Phát hành BCKT và thư quản lý

Việc phát hành BCKT và thư quản lý nhằm mục đích đảm bảo cuộc kiểm toán đã được kiểm soát chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch kiểm toán đến khi kết thúc kiểm toán, tuân thủ các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam; các bằng chứng kiểm toán thích hợp đã được thu thập đầy đủ phục vụ cho việc đưa ra ý kiến kiểm toán.

Sau khi tổng hợp kết quả kiểm toán của các phân hành, KTV đưa ra ý kiến xác nhận về tính trung thực hợp lý của BCTC cũng như việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành trên BCKT. Ý kiến của KTV và công ty kiểm toán đối với BCTC đã được kiểm toán có thể là một trong bốn loại sau: ý kiến chấp nhận toàn phần, ý kiến chấp nhận từng phần, ý kiến trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến.

Cùng với việc phát hành BCKT, KTV có thể phát hành thư quản lý để đưa ra các kiến nghị nhằm giúp đỡ khách hàng chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán xây dựng và hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống KSNB. Thư quản lý mô tả về từng sự kiện cụ thể, gồm: hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro, kiến nghị của KTV và ý kiến của người quản lý liên quan đến sự kiện đó.

Sau khi cuộc kiểm toán kết thúc, KTV vẫn phải có trách nhiệm xem xét các sự kiện có thể xảy ra sau khi phát hành BCKT đối với BCTC nói chung và khoản mục TSCĐ hữu hình nói riêng. Khi KTV nhận thấy hoặc được doanh nghiệp thông báo rằng có sự kiện xảy ra sau ngày kí BCKT có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, thì KTV phải cân nhắc có nên sửa lại BCKT hay không. Trong trường hợp này KTV phải trao đổi với Ban giám đốc khách hàng và có biện pháp thích hợp tùy theo từng trường hợp cụ thể.

1.3 Hệ thống chuẩn mực kiểm toán sử dụng trong kiểm toán BCTC về Tài sản cố định

Theo như Thông tư 214/2012 của bộ tài chính ban hành 37 chuẩn mực kiểm toán mới. Bắt đầu áp dụng từ năm tài chính 2014

1.Chuẩn mực kiểm soát chất lượng số 1- Kiểm soát chất lượng doanh nghiệp thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo và các dịch vụ liên quan khác (VSQC1).

2.Chuẩn mực số 200 - Mục tiêu tổng thể của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

3.Chuẩn mực số 210- Hợp đồng kiểm toán.

4.Chuẩn mực số 220- Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính.

5.Chuẩn mực số 230- Tài liệu, hồ sơ kiểm toán.

6.Chuẩn mực số 240- Trách nhiệm của kiểm toán viên liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

7.Chuẩn mực số 250- Xem xét tính tuân thủ pháp luật và các quy định trong kiểm toán báo cáo tài chính.

8.Chuẩn mực số 260- Trao đổi các vấn đề với Ban quản trị đơn vị được kiểm toán.

9.Chuẩn mực số 265- Trao đổi về những khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ với Ban quản trị và Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán.

10.Chuẩn mực số 300- Lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính.

11.Chuẩn mực số 315- Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường của đơn vị.

12.Chuẩn mực số 320- Mức trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán.

13.Chuẩn mực số 330- Biện pháp xử lý của kiểm toán viên đối với rủi ro đã đánh giá.

14.Chuẩn mực số 402- Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài.

15.Chuẩn mực số 450- Đánh giá các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán.

16.Chuẩn mực số 500- Bằng chứng kiểm toán.

17. Chuẩn mực số 501- Bảng chứng kiểm toán đối với các khoản mục và sự kiện đặc biệt.
18. Chuẩn mực số 505- Thông tin xác nhận từ bên ngoài.
19. Chuẩn mực số 510- Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu kì.
20. Chuẩn mực số 520- Thủ tục phân tích
21. Chuẩn mực số 530- Lấy mẫu kiểm toán.
22. Chuẩn mực số 540- Kiểm toán các ước tính kế toán (bao gồm ước tính kế toán về giá trị hợp lý và các thuyết minh liên quan).
23. Chuẩn mực số 550- Các bên liên quan.
24. Chuẩn mực số 560- Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kì kế toán.
25. Chuẩn mực số 570- Hoạt động liên tục.
26. Chuẩn mực số 580- Giải trình bằng văn bản.
27. Chuẩn mực số 600- Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn (kể cả công việc của kiểm toán viên đơn vị thành viên).
28. Chuẩn mực số 610- Sử dụng công việc của kiểm toán viên nội bộ.
29. Chuẩn mực số 620- Sử dụng công việc của chuyên gia.
30. Chuẩn mực số 700- Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính.
31. Chuẩn mực số 705- Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.
32. Chuẩn mực số 706- Đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” và “Vấn đề khác” trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính.
33. Chuẩn mực số 710- Thông tin so sánh - Dữ liệu tương ứng và báo cáo tài chính so sánh.
34. Chuẩn mực số 720- Các thông tin khác trong tài liệu có báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
35. Chuẩn mực số 800- Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt.
36. Chuẩn mực số 805- Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và khi kiểm toán các yếu tố, tài khoản hoặc khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính.
37. Chuẩn mực số 810- Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ TRONG KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY TNHH NEXIA STT – CHI NHÁNH AN PHÁT THỰC HIỆN

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH NEXIA STT–Chi nhánh An Phát

2.1.1 Thông tin, lịch sử và phát triển công ty

Nexia STT

Nexia STT, được thành lập vào năm 2004, là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các nhu cầu về kinh doanh và tư vấn đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế.

-Từ năm 2005, Nexia STT đã được Ngân hàng thế giới phê duyệt và nằm trong danh sách ngắn các Công ty có đủ năng lực để cung cấp các dịch vụ kiểm toán cho các dự án do Ngân hàng thế giới tài trợ.

-Từ năm 2012 đến nay Nexia STT đã được bình chọn là một trong những thương hiệu mạnh tại Việt Nam.

Nexia STT chuyên cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn chất lượng cao thông qua đội ngũ chuyên gia của chúng tôi bao gồm các Kế toán Viên Công chứng (CPA, ACCA, FCCA), Kế toán Viên Hành nghề, Luật sư, Tiến sỹ, Thạc sỹ Kế toán và Tài chính, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Chuyên gia Tư vấn Công nghệ Thông tin, Kế toán Chi phí, Chuyên gia Tư vấn Phát triển, Chuyên gia Quản lý Tài chính Công và mạng lưới các chuyên gia tư vấn phát triển trong các lĩnh vực khác nhau... được trang bị đầy đủ kiến thức, chuyên môn đa dạng, kinh nghiệm chuyên sâu và cơ sở thực tiễn cần thiết nhằm cung cấp các giải pháp đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Với các năng lực chuyên môn vững vàng, các chuyên gia của chúng tôi có khả năng phát triển các lợi thế cạnh tranh và giá trị bền vững cho các khách hàng thuộc cả hai khu vực công và tư nhân.

Nexia STT hoạt động thông qua các văn phòng tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng và cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên khắp Việt Nam và trong toàn khu vực.

NEXIA STT – CHI NHÁNH AN PHÁT

Công ty TNHH Nexia STT – chi nhánh An Phát(APS) – Một trong những doanh nghiệp kiểm toán đầu tiên được thành lập theo Nghị định số 105/ ND-CP ngày 30 tháng 03 năm 2004 của Chính phủ ban hành quy chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân.

- Tên viết tắt: APS
- Tên tiếng anh: Anphat Auditing and Accounting Consultancy Co.Ltd
- Trụ sở chính: 245 Bạch Đằng - Thượng Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng.
- Điện thoại: 02252 539 555Fax: 02253539789

2.1.2 Mục tiêu và phương châm hoạt động

Với tâm huyết được mang những kiến thức và kinh nghiệm của mình để chia sẻ với các khách hàng, trợ giúp khách hàng thành công trong kinh doanh tại Việt Nam và trên toàn thế giới, chúng tôi cam kết với đội ngũ lãnh đạo, nhân viên dày dặn kinh nghiệm, kiến thức không ngừng nâng cao, NEXIA STT sẽ đóng góp một phần không thể thiếu trong sự phát triển của nghề Kiểm toán - Tư vấn kế toán, tài chính - Thuế và luôn sẵn sàng cung cấp các dịch vụ Kiểm toán - Tư vấn kế toán, Tài chính - Thuế cho khách hàng một cách chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả nhất.

Các thành viên chủ chốt của chúng tôi đã và đang là các nhân lực chính chỉ đạo thực hiện công việc kiểm toán cho các khách hàng thuộc các lĩnh vực hoạt động khác nhau, mô hình khách nhau từ doanh nghiệp Nhà nước, Công ty cổ phần, Công ty TNHH, Doanh nghiệp tư nhân. Có doanh nghiệp vốn Nhà nước, doanh nghiệp do các cá nhân đóng góp, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Doanh nghiệp chế xuất....

Để giúp Quý Công ty trong việc lựa chọn một Công ty kiểm toán có khả năng đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Ban lãnh đạo, chúng tôi xin gửi tới Quý Công ty một số thông tin tóm tắt về hoạt động của Công ty chúng tôi, mục tiêu, nội dung của cuộc kiểm toán và cơ sở tính giá phí kiểm toán.

Chia sẻ những am hiểu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam với thực tiễn của khách hàng.

Chúng tôi sẵn sàng, thường xuyên cử các cán bộ và nhân viên tham gia, nghiên cứu môi trường kinh doanh chung, các thay đổi về pháp lý cụ thể đối với ngành nghề mà Doanh nghiệp đang hoạt động và mong muốn được cùng tham gia các hoạt động chuyên sâu, đặc thù của Doanh nghiệp để hiểu biết hơn nữa về lĩnh vực kinh doanh của Doanh nghiệp. Chúng tôi mong muốn mang tất cả những hiểu biết và kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực Kiểm toán - Tư vấn kế toán, tài chính - Thuế, môi trường kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam để đưa ra giải pháp hiệu quả nhất giải quyết các bức xúc trong kinh doanh một cách hiệu quả nhất.

Mục tiêu

Mục tiêu hoạt động của chúng tôi là nhằm cung cấp các dịch vụ tư vấn kế toán, tư vấn lập Báo cáo thuế và Kiểm toán Báo cáo tài chính với uy tín và chất lượng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách hàng, cung cấp những thông tin với độ tin cậy cao cho công tác quản lý tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả cao nhất. Hơn thế nữa, với kinh nghiệm thực tiễn về tư vấn tài chính kế toán, gần gũi với khách hàng, tận tình, thông thạo nghiệp vụ và hiểu biết kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam, chúng tôi hiểu rõ các yêu cầu trong quản lý, các khó khăn có thể gặp phải trong hoạt động và sẽ hỗ trợ khách hàng giải quyết tốt các vấn đề mà ít có một tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính kế toán nào có thể thực hiện được.

Phương châm hoạt động

Chúng tôi luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất trong mọi lĩnh vực. Các chuyên gia của NEXIA STT luôn tuân thủ phương châm hoạt động của mình, đó là: độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật, tuân thủ các quy định của Nhà nước Việt Nam. Chúng tôi cũng luôn nhận thức được lợi ích hợp pháp của khách hàng và cố gắng giúp khách hàng thực hiện và bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

2.1.3 Các loại hình dịch vụ công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An

Phát cung cấp cho khách hàng

2.1.3.1 Dịch vụ kiểm toán

- Kiểm toán tuân thủ
- Kiểm toán một phần Báo cáo Tài chính và các thủ tục đã được thỏa thuận trước
- Kiểm toán theo tiêu chuẩn GAAP Quốc tế và theo phạm vi quyền hạn của tiêu chuẩn GAAP
- Soát xét báo cáo tài chính
- Điều tra gian lận
- Kiểm toán nội bộ
- Báo cáo quyết toán

2.1.3.2 Dịch vụ Tư vấn Kế toán & Tài chính Doanh nghiệp

- Thiết lập hệ thống kế toán và đăng ký liên quan
- Kế toán và lập báo cáo tài chính
- Đối chiếu, ví dụ như số dư ngân hàng hoặc tài khoản phải thu/phải trả
- Quản lý các tài khoản phải thu/phải trả
- Dịch vụ kế toán trưởng
- Lập và lưu giữ các hồ sơ về khấu hao tài sản cố định
- Trợ giúp thực hiện các giao dịch cụ thể, ví dụ như xử lý đặt hàng/thanh toán.

2.1.3.3 Dịch vụ Tư vấn Thuế

- Dịch vụ tư vấn hoạch định thuế
- Dịch vụ kiểm tra soát xét tuân thủ thuế
- Dịch vụ kê khai tuân thủ các quy định pháp luật và tính lương
- Hoạch định thuế đối với cá nhân và doanh nghiệp
- Dịch vụ xác nhận chính sách quy định thuế và đại diện làm việc, đại lý thuế
- Dịch vụ khiếu nại về thuế
- Dịch vụ soát xét trước khi thanh quyết toán thuế và tham gia hỗ trợ thanh quyết toán thuế
- Dịch vụ tuân thủ thuế cá nhân và doanh nghiệp
- Dịch vụ chuẩn bị và lập hồ sơ kê khai thuế
- Dịch vụ rà soát thuế và soát xét chẩn đoán thuế
- Tư vấn và hỗ trợ hợp đồng thuế
- Hoàn thuế và thanh quyết toán thuế

- Tư vấn chuyển giá trong giao dịch liên kết

2.1.3.4 Tư vấn Doanh nghiệp

- Tư vấn đầu tư và mô hình doanh nghiệp
- Xin cấp phép và sau cấp phép
- Tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp
- Hỗ trợ dự án và hợp đồng
- Tư vấn và tuân thủ pháp luật về nguồn nhân lực
- Dịch vụ thư ký doanh nghiệp và dịch vụ quản lý con dấu
- Hệ thống đường dây hỗ trợ (Hệ thống báo cáo nội bộ)
- Dịch vụ mua bán, sáp nhập và soát xét
- Tái cơ cấu, giải thể và đóng cửa doanh nghiệp
- Đăng ký với các cơ quan chức năng

2.1.3.5 Tư vấn Quản lý & Hoạt động Doanh nghiệp

- Hội thảo định hướng doanh nghiệp
- Nghiên cứu chẩn đoán nhằm xác định các hướng phát triển doanh nghiệp
- Cắt giảm chi phí và tối đa hóa doanh thu
- Các chương trình về bán hàng và tiếp thị hiệu quả
- Thiết kế cơ cấu tổ chức nhằm đem lại hiệu quả hoạt động
- Thiết kế hệ thống hỗ trợ MIS/ Ra quyết định cho doanh nghiệp
- Các chương trình giám sát và thiết kế quy trình cho các nhà kinh doanh và đối tác
- Các chương trình đào tạo cụ thể theo mục đích riêng của khách hàng

2.1.3.6 Dịch vụ Tư vấn Phát triển và Quản lý Công

- Xem xét/ đánh giá về chính sách, dự án và chương trình
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện chính sách, dự án và chương trình
- Đánh giá thực hiện và quản lý viện trợ
- Quản lý dựa trên kết quả
- Thiết kế hệ thống giám sát & đánh giá và báo cáo
- Đào tạo về giám sát và đánh giá
- Đánh giá thể chế và quản trị tổ chức
- Điều tra/khảo sát

- Nghiên cứu về phát triển
- Dịch vụ chính của chúng tôi về Quản lý Công:
- Đánh giá Quản lý tài chính công (Đánh giá chi tiêu công và giải trình trách nhiệm tài chính (PEFA), Đánh giá chi tiêu công (PER), Đánh giá chi tiêu công theo dòng tiền (PETS...)
- Xây dựng định mức chi phí trong các ngành khác nhau (Giáo dục, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Y tế ...)
- Cải cách quản lý tài chính công (Chiến lược, Kế hoạch hành động, Lập Khung tài chính và Khung chi tiêu trung hạn, Phân bổ và quản lý ngân sách dựa trên kết quả, Cải cách thuế, Cải cách doanh nghiệp nhà nước, vv...)
- Chính sách tài khóa và minh bạch tài chính
- Đào tạo về quản lý tài chính công
- Đánh giá công tác quản lý tài chính và cơ chế tài chính của Chương trình và Dự án
- Chuẩn bị hình thành và thẩm định Chương trình/Dự án
- Lập kế hoạch, quản lý và triển khai thực hiện Chương trình/Dự án

2.1.3.7 Tư vấn, lập báo cáo chuyển giá

- Phân tích các giao dịch trong phạm vi nghiên cứu;
- Phân tích Công ty;
- Phân tích Ngành;
- Phân tích chức năng và rủi ro;
- Phân tích Tài chính;
- Chọn lựa phương pháp chuyển giá phù hợp nhất;
- Nghiên cứu và lựa chọn đối tượng so sánh theo tiêu chuẩn; và
- Lập Báo cáo.

2.1.3.8 Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo kế toán

Xuất phát từ nhu cầu của Quý Doanh nghiệp về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo Tài chính và soát xét Báo cáo kế toán, sổ sách và tài liệu kế toán của quý Doanh nghiệp. Chúng tôi mong muốn nhận được sự tín nhiệm của

Quý Doanh nghiệp trong việc giao nhiệm vụ kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo tài chính trên cho Công ty chúng tôi.

Vì mục đích của Quý Doanh nghiệp: Để cung cấp những thông tin kinh tế tài chính cho các thành viên góp vốn trong Doanh nghiệp giúp cho các thành viên này đưa ra các quyết định về quyền lợi và các nghĩa vụ tài chính thì các thông tin này cần được đảm bảo ở mức độ tin cậy cao do vậy Báo cáo tài chính cần được xem xét, xác nhận để đảm bảo tính khách quan chính xác.

Mặt khác, chúng tôi sẽ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tuân theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, những quy định hiện hành của Việt Nam.

◆Chúng tôi sẽ tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo tài chính theo yêu cầu của Quý Doanh nghiệp, kiểm toán việc tuân thủ của Báo cáo tài chính với các quy định về tài chính, kế toán, thuế của Việt Nam. Cụ thể:

Đưa ra ý kiến độc lập của mình về công tác kế toán của Công ty (việc ghi chép, quản lý sổ kế toán và lưu trữ các chứng từ kế toán, về tính hợp lý và hợp lệ của chứng từ kế toán).

Rà soát quy trình kế toán, lập Báo cáo tài chính tại đơn vị, phát hiện những điểm còn sai sót (nếu có) trong công tác kế toán và công tác quản lý tài chính Công ty, nêu rõ nguyên nhân và tư vấn, đề xuất các biện pháp khắc phục (tham chiếu đến các quy định mới nhất về thuế và kế toán của Việt Nam).

Kiểm tra tính trung thực, hợp lý của thông tin trên các báo cáo tài chính cũng như việc lập và trình bày báo cáo phải tuân thủ các quy định của kế toán quốc tế và các nguyên tắc tài chính kế toán của Việt Nam.

◆Quá trình Kiểm toán và tư vấn kế toán tập trung chủ yếu vào những nội dung chính sau:

Soát xét hệ thống kiểm soát nội bộ

Kiểm tra việc sử dụng vốn và quản lý tài sản

Xác định thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh.

Về chi phí chúng tôi sẽ chỉ rõ những khoản chi phí sẽ tăng thêm hoặc giảm đi khi xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kiểm tra nghĩa vụ nộp thuế.

Trách nhiệm pháp lý về các khoản công nợ phải thu, phải trả

Kiểm tra việc thực hiện hệ thống tài chính và kế toán dựa trên CM kiểm toán Việt Nam.

◆**Kết quả Kiểm toán và Tư vấn kế toán :**

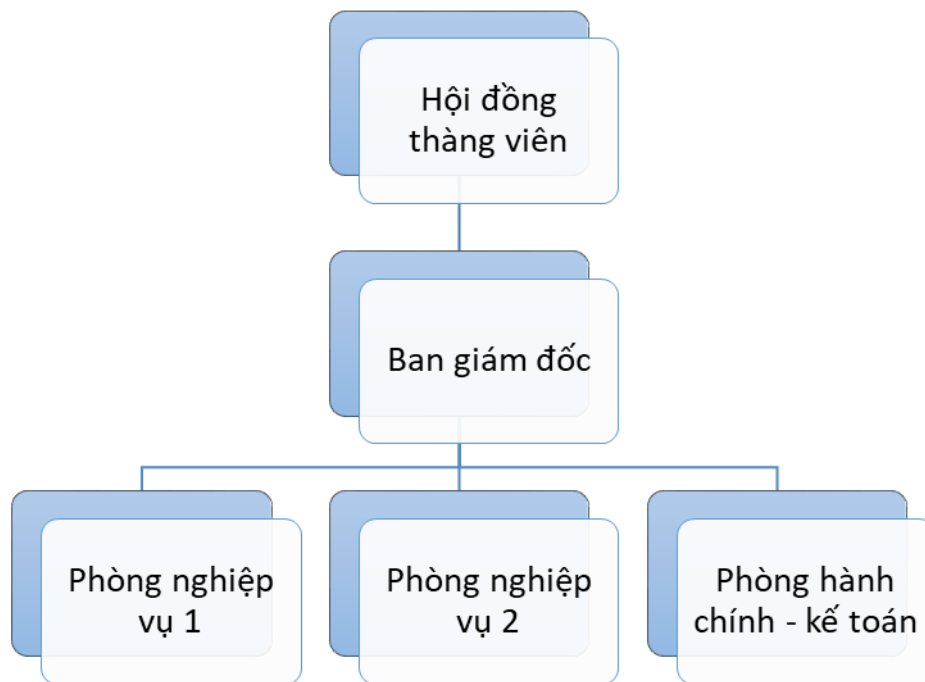
Toàn bộ hệ thống sổ kế toán, tài liệu kế toán được hoàn thiện ở mức tối ưu nhất, mang lại sự yên tâm nhất cho quý Doanh nghiệp.

Căn cứ trên các kết luận rút ra từ các bằng chứng thu thập được trong quá trình thực hiện cuộc kiểm toán, chúng tôi sẽ cung cấp:

Báo cáo tài chính được kiểm toán lập trên cơ sở chế độ kế toán Việt Nam và tham chiếu đến kế toán quốc tế có thể có các mẫu biểu kế toán quản trị theo yêu cầu của công tác quản lý của đơn vị.

Báo cáo kiểm toán được lập dựa trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy công ty

Trong đó:

-Hội đồng thành viên là những người góp vốn thành lập công ty. Hội đồng thành viên gồm 5 người trong đó bà Trần Thị Minh Tân là Chủ tịch Hội đồng

thành viên. Hội đồng thành viên bầu ra giám đốc và các phó giám đốc để điều hành công ty hàng ngày.

-Ban giám đốc gồm bốn thành viên. Ban giám đốc sẽ họp mỗi tháng một lần nắm bắt tình hình hoạt động của công ty. Ban giám đốc sẽ chịu trách nhiệm trước công ty, hội đồng thành viên và pháp luật về hoạt động của công ty. Trong ban giám đốc thì giám đốc chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động chung của công ty. Giám đốc công ty hội đồng thành viên bổ nhiệm, giám đốc công ty là người trực tiếp đánh giá rủi ro của cuộc kiểm toán và mọi hồ sơ kiểm toán và cũng là người đại diện cho công ty ký phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý.

-Phó giám đốc chịu trách nhiệm về việc tiếp xúc với khách hàng và nhận các hợp đồng kiểm toán.

-Các phòng nghiệp vụ do trưởng phòng đứng đầu. Trưởng phòng nghiệp vụ quản lý và chịu trách nhiệm về các hoạt động của phòng nghiệp vụ, tương ứng, giám sát, quản lý các nhân viên chuyên nghiệp trong phòng, trong công việc, đặc biệt là trong khi làm việc với khách hàng trưởng phòng nghiệp vụ cũng là người sắp xếp các công việc do các thành viên của mình thực hiện kiểm soát chất lượng công việc.

-Phòng tài chính kế toán với chức năng kế toán giúp việc cho giám đốc tổ chức và thực hiện toàn bộ các công tác tài chính kế toán, thông tin kế toán, tổ chức hạch toán kinh tế trong nội bộ công ty theo đúng chế độ chính sách và pháp luật nhà nước về tài chính tín dụng và theo chế độ tổ chức kế toán pháp lệnh kế toán thống kê của nhà nước về công tác quản lý tài chính.

-Phòng hành chính với chức năng tài vụ là phòng chức năng giúp giám đốc trong công việc thực hiện các phương án sắp xếp và cải tiến tổ chức sản xuất kinh doanh tổ chức quản lý, tuyển dụng và phân phối nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động theo từng thời kỳ. Đồng thời, tổ chức thực hiện đúng đắn các chính sách chế độ đối với người lao động.

Thông thường, sau khi một hợp đồng được ký kết bởi các thành viên của ban giám đốc, trưởng nhóm kiểm toán sẽ chịu trách nhiệm xem xét, lập kế hoạch

kiểm toán và chịu trách nhiệm sắp xếp toàn bộ hồ sơ kiểm toán cũng như báo cáo kiểm toán trước khi trình duyệt ban giám đốc xem xét lần cuối. Đối với những khách hàng lớn, yêu cầu của những sự hợp nhất kết quả kiểm toán khi phát hành báo cáo kiểm toán, nhóm trưởng kiểm toán là người chịu trách nhiệm giám sát trực tiếp việc thực hiện của các nhóm kiểm toán tại các cơ sở kiểm toán khác nhau.

Với cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý như trên Ban giám đốc của công ty kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát đã thực hiện quản lý có hiệu quả tất cả các hoạt động của công ty mọi hoạt động liên quan đến cuộc kiểm toán, từ khâu chào thầu tới khi ký kết hợp đồng đến phát hành báo cáo kiểm toán trong đó bao gồm việc lập và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát được thiết kế và thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, tạo dựng được lòng tin của khách hàng đối với công ty.

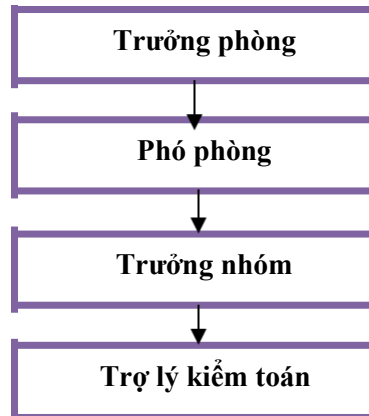
2.1.5 Chuẩn mực và phương pháp kiểm toán áp dụng

Với phương châm hoạt động kết hợp với những định hướng cũng như mục tiêu chiến lược trong suốt thời gian hình thành và phát triển, APS đã và đang xây dựng cho mình một phương pháp kiểm toán riêng biệt và hình tượng riêng trong khối doanh nghiệp. Phương pháp được xây dựng dựa trên cơ sở các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và Quốc tế, cũng như tham khảo công nghệ của các hãng kiểm toán lớn mà nhân viên của công ty đã từng làm việc. APS luôn làm việc dựa trên yêu cầu về chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam cũng như kiểm toán Quốc tế và các quy định khác có liên quan. Bên cạnh đó, APS dựa trên hiểu biết về lĩnh vực kinh doanh của khách hàng, hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro. Với những công cụ trợ giúp kỹ thuật hiện có, APS sẽ nhận diện được những rủi ro tiềm ẩn và tăng cường hiểu biết về hoạt động kinh doanh của khách hàng trong suốt thời gian kiểm toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.1.6 Bộ máy kiểm toán của công ty TNHH NEXIA STT-CN An Phát

Phòng kiểm toán của công ty TNHH NEXIA STT-CN An Phát đứng đầu là trưởng phòng sau đó đến phó phòng, tới trưởng nhóm và các trợ lý kiểm toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kiểm toán

•Trưởng phòng là người chịu trách nhiệm lập kế hoạch và điều hành hoạt động của phòng kiểm toán:

-Khảo sát tình hình khách hàng và đưa ra mức phí kiểm toán.

-Lập kế hoạch và phân công nhân lực.

-Trực tiếp điều hành các hợp đồng kiểm toán có quy mô lớn, phức tạp có tính rủi ro cao.

-Rà soát báo cáo kiểm toán trước khi trình giám đốc kí duyệt.

•Phó phòng: Hỗ trợ trưởng phòng trong việc phân công nhân lực thực hiện hợp đồng kiểm toán và điều hành phòng kiểm toán.

•Trưởng nhóm: Chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán, phân công và hướng dẫn các trợ lý thực hiện các hợp đồng kiểm toán.

•Trợ lý kiểm toán: Thực hiện công việc theo sự hướng dẫn và chỉ đạo của trưởng nhóm.

2.2 Quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ trong Kiểm toán BCTC do công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát thực hiện

2.2.1 Lập kế hoạch kiểm toán

Lựa chọn đội ngũ nhân viên kiểm toán

Đoàn kiểm toán là một nhóm có từ hai kiểm toán viên trở lên, có đầy đủ kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm, đại diện cho công ty kiểm toán thực hiện hợp đồng kiểm toán đã được ký kết. Hoạt động của đoàn kiểm toán đóng vai trò quyết định đến sự thành công hay thất bại của cuộc kiểm toán. Vì vậy, việc lựa chọn các thành viên tham gia kiểm toán thường do trưởng phòng hoặc Ban giám đốc Công ty chỉ đạo. Yêu cầu chung đối với những người tham gia đoàn kiểm toán là phải có trình độ tương xứng với mục tiêu và phạm vi kiểm toán nói riêng và tương xứng với vị trí, yêu cầu, nội dung của cuộc kiểm toán nói chung. Tiếp theo tổ chức đoàn kiểm toán phải thực hiện phân công nhiệm vụ, vị trí, vai trò giữa các thành viên trong đoàn kiểm toán nhằm tạo thành một nhóm thống nhất cùng hướng đến thực hiện mục tiêu. Thông thường một đoàn kiểm toán sẽ có ít nhất là ba người bao gồm một trưởng nhóm kiểm toán và ít nhất là hai trợ lý kiểm toán.

Tìm hiểu ngành nghề và hoạt động kinh doanh của khách hàng

Những hiểu biết về ngành nghề kinh doanh bao gồm những hiểu biết chung về nền kinh tế, lĩnh vực hoạt động của đơn vị, những khía cạnh đặc thù của khách hàng bao gồm: cơ cấu tổ chức, dây chuyền và các dịch vụ sản xuất, cơ cấu vốn...

Tại NEXIA việc thu thập thông tin về hoạt động kinh doanh của khách hàng rất được chú trọng. Đối với khách hàng mới, các kiểm toán viên sẽ thu thập toàn bộ các thông tin về hoạt động kinh doanh của khách hàng. Đối với khách hàng truyền thống, do các thông tin đã được ưu trong Hồ sơ kiểm toán năm trước nên các kiểm toán viên chỉ cần thu thập thêm những thay đổi trong năm tài chính như việc mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, quy mô hoạt động hay những thay đổi về chính sách (nếu có).

Thu thập thông tin về các nghĩa vụ pháp lý của khách hàng

Sau khi đã có sự hiểu biết cần thiết về các mặt hoạt động kinh doanh, kiểm toán viên tiến hành thu thập các thông tin về các nghĩa vụ pháp lý trong quá trình tiếp xúc với Ban giám đốc công ty khách hàng. Công việc này giúp kiểm toán viên nắm bắt được các quy trình mang tính pháp lý có ảnh hưởng đến

các mặt hoạt động kinh doanh này. Các thông tin này bao gồm: Giấy phép thành lập và điều lệ Công ty; Báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán; Thanh tra hay kiểm tra của năm hiện hành hay trong vài năm trước; Biên bản các cuộc họp cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc; các tài liệu chứng từ liên quan đến khoản mục.

Đánh giá trọng yếu và rủi ro kiểm toán

Thực hiện các phân công việc trên, kiểm toán viên mới chỉ thu thập được các thông tin mang tính khách quan về khách hàng, tiếp đó kiểm toán viên cần đánh giá tính trọng yếu và rủi ro kiểm toán nhằm đưa ra một chiến lược, kế hoạch kiểm toán phù hợp.

Kiểm toán viên đánh giá mức độ trọng yếu để ước tính mức độ sai sót của báo cáo tài chính có thể chấp nhận được.

Mục tiêu: xác định mức trọng yếu được lập và phê duyệt theo chính sách của công ty để thông báo với các thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại khách hàng và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa.

Tính trọng yếu luôn được Nexia xem xét và quan tâm trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện quy trình kiểm toán. Việc tính toán mức trọng yếu do trưởng nhóm kiểm toán trực tiếp thực hiện. Chỉ tiêu được lựa chọn để ước lượng mức trọng yếu đối với Công ty cổ phần DASOS Hải Phòng là chỉ tiêu Doanh thu bán hàng.

Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng và đánh giá rủi ro kiểm soát

Hiểu biết rõ về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng và đánh giá rủi ro kiểm soát là bước công việc vô cùng quan trọng quyết định sự thành công của một cuộc kiểm toán.

Nhận biết rõ tầm quan trọng của công việc này nên Nexia đã xây dựng bảng câu hỏi đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ hết sức chặt chẽ.

Các câu hỏi được thiết kế dưới dạng trả lời “Có” hoặc “Không” hoặc “Không áp dụng” và các câu trả lời “Không” sẽ cho thấy nhược điểm của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Cụ thể: Trước tiên, các kiểm toán viên tiến hành đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong kế toán. Thông qua bảng câu hỏi kiểm toán viên có được những hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng, từ đó tiến hành đánh giá rủi ro kiểm soát. Nếu hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết kế và vận hành hữu hiệu thì rủi ro kiểm soát được đánh giá thấp và ngược lại.

Công việc này hết sức cần thiết vì việc đánh giá rủi ro kiểm soát có ảnh hưởng trực tiếp đến việc kiểm tra chi tiết của kiểm toán viên.

Nếu rủi ro kiểm soát được đánh giá cao thì kiểm toán viên không thể dựa vào kiểm soát nội bộ của khách hàng mà phải tăng cường việc kiểm tra chi tiết để phát hiện những hành vi gian lận và sai sót.

Ngược lại, nếu rủi ro kiểm soát được đánh giá thấp thì kiểm toán viên có thể dựa vào kiểm soát nội bộ của khách hàng để giảm bớt việc kiểm tra chi tiết, nhờ vậy tiết kiệm được thời gian kiểm toán.

2.2.2 Thực hiện kế hoạch kiểm toán

Thủ tục chung

-Xem xét các chính sách, quy trình quản lý TSCĐ, bất động sản đầu tư, công trình đầu tư xây dựng dở dang của đơn vị đồng thời xem xét, đánh giá các sai sót và rủi ro liên quan (nếu có). Kiểm tra các chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

-Lập bảng số liệu tổng hợp có so sánh với số dư cuối năm trước. Đối chiếu các số dư trên bảng số liệu tổng hợp với BCĐPS, sổ cái, sổ chi tiết,... và giấy tờ làm việc của kiểm toán năm trước (nếu có).

Thủ tục phân tích

-So sánh, phân tích tình hình tăng giảm của các số dư TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, XDCB dở dang, bất động sản đầu tư năm nay so với năm trước, đánh giá tính hợp lý của các biến động lớn.

-Kiểm tra tính hợp lý của việc xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, so sánh với các quy định và hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ hiện hành và chuẩn mực kế toán liên quan.

-So sánh tỷ lệ khấu hao trung bình cho các nhóm tài sản với kỳ kế toán trước và yêu cầu giải trình nếu có sự thay đổi.

Thủ tục kiểm tra chi tiết

-Kiểm tra nguyên giá TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư:

+Thu thập bảng tổng hợp tình hình biến động từng loại TSCĐ/BDS đầu tư (nguyên giá, hao mòn lũy kế, số đầu kỳ, tăng/giảm trong kỳ, số cuối kỳ...). Kiểm tra tính chính xác số học và đối chiếu số liệu với các tài liệu liên quan (sổ cái, sổ chi tiết, BCĐPS, BCTC).

+Đọc lướt sổ cái để xác định các nghiệp vụ bất thường (về nội dung, giá trị, tài khoản đối ứng...). Tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng (nếu cần).

-Chọn mẫu kiểm tra bộ hồ sơ các TSCĐ/BDS đầu tư tăng trong năm. Đối chiếu với kế hoạch, thủ tục mua sắm TSCĐ và sự phê duyệt của Ban Giám đốc. Đánh giá việc ghi nhận TSCĐ/BDS đầu tư có đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo qui định của các chuẩn mực kế toán liên quan hay không.

-Nếu có chi phí lãi vay được vốn hóa (1): Đối chiếu với phần hành kiểm toán E100 “Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn” để đảm bảo việc vốn hóa được thực hiện phù hợp.

-Soát xét các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp phát sinh trong năm đảm bảo việc vốn hóa nếu đủ điều kiện (kết hợp với phần hành kiểm toán liên quan).

-Kiểm tra các nghiệp vụ nhượng bán, thanh lý TSCĐ/BDS đầu tư. Xem xét các quyết định thanh lý, hợp đồng mua bán, việc xác định và ghi nhận các khoản lãi/lỗ về thanh lý, nhượng bán, thời điểm dừng khấu hao TSCĐ...

-Đối với các TSCĐ tăng do nhập khẩu (1): Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp về thời điểm và tỷ giá quy đổi từ ngoại tệ về đồng tiền ghi sổ khi xác định nguyên giá.

-Đối với nghiệp vụ mua/bán TSCĐ với bên liên quan (1):

Yêu cầu đơn vị cung cấp và xem xét các bằng chứng để xác định tất cả các bên liên quan có quan hệ kinh tế với đơn vị. Xem xét việc gửi thư xác nhận một số nghiệp vụ có giá trị lớn với các bên liên quan.

Kiểm tra việc ghi chép, phê duyệt, giá cả, khối lượng giao dịch...

-Rà soát danh mục TSCĐ/BDS đầu tư (chi tiết theo từng tài sản) để đảm bảo việc phân loại giữa TSCĐ hữu hình với BDS đầu tư, giữa TSCĐ hữu hình với chi phí sản xuất kinh doanh hoặc hàng tồn kho, giữa BDS đầu tư và hàng hóa BDS, giữa TSCĐ vô hình với chi phí trả trước dài hạn là phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

-Thu thập danh mục TSCĐ dùng để cầm cố, thế chấp, hạn chế sử dụng,...(kết hợp với phân hành “Vay và nợ ngắn/dài hạn”) và danh mục TSCĐ đã dừng hoạt động, tạm dừng để sửa chữa, không cần dùng chờ thanh lý, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng,các tài sản không sử dụng hoặc có thể sẽ không được sử dụng trong năm tới do thay đổi công nghệ sản xuất...(thông qua phỏng vấn khách hàng, kết hợp với thủ tục quan sát thực tế).

•Quan sát thực tế TSCĐ và bất động sản đầu tư:

-Tham gia quan sát kiểm kê thực tế TSCĐ và bất động sản đầu tư cuối kỳ, đảm bảo rằng các thủ tục kiểm kê được thực hiện phù hợp và chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế và số liệu sổ kế toán (nếu có) đã được xử lý. Đánh giá tình trạng sử dụng của từng TSCĐ.

-Trường hợp KTV không tham gia quan sát kiểm kê cuối kỳ (1): Thực hiện quan sát TSCĐ và bất động sản đầu tư tại ngày kiểm toán, lập bản kiểm tra và đối chiếu ngược để xác định TSCĐ và bất động sản đầu tư thực tế của đơn vị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

-Nếu đơn vị có TSCĐ do bên thứ ba giữ (1): Lấy xác nhận của bên thứ ba hoặc trực tiếp quan sát (nếu trọng yếu).

•Kiểm tra khấu hao TSCĐ/BDS đầu tư:

-Thu thập Bảng tính khấu hao TSCĐ/BDS đầu tư trong kỳ (chi tiết đến từng TSCĐ). Kiểm tra tính chính xác số học và đối chiếu số liệu với các tài liệu liên quan (sổ cái, sổ chi tiết, BCDPS, BCTC).

-Kiểm tra tính hợp lý của bảng tính khấu hao về: Phân loại nhóm tài sản; Khoản mục chi phí phân bổ căn cứ bộ phận và mục đích sử dụng; tính phù hợp về thời gian khấu hao so với quy định hiện hành, so với đặc điểm sử dụng của đơn vị; Tính nhất quán trong phân bổ giữa năm nay với năm trước, giữa các kỳ trong năm, giữa các tài sản cùng loại;...

Xem xét tính phù hợp của thời điểm bắt đầu tính khấu hao và phân bổ đảm bảo việc phù hợp giữa doanh thu và chi phí cũng như tình trạng sử dụng của tài sản.

Kiểm tra bảng tính khấu hao hoặc ước tính khấu hao trong kỳ và so sánh với số liệu của đơn vị.

-Đọc lướt sổ cái để xác định các nghiệp vụ bất thường (về nội dung, giá trị, tài khoản đối ứng...). Tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng (nếu cần).

-Kiểm tra việc ghi giảm khấu hao lũy kế do việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

-Nếu có TSCĐ sử dụng chung cho các bộ phận (1): Xem xét tính hợp lý và nhất quán trong tiêu thức phân bổ cho từng loại chi phí như: Chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý, chi phí bán hàng.

-Xem xét chênh lệch giữa phương pháp phân bổ cho mục đích kế toán và mục đích thuế (nếu có) và tính toán thuế thu nhập hoãn lại phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

-Đánh giá lại TSCĐ (1):

Thu thập bảng tổng hợp các tài sản được đánh giá lại trong kỳ và thực hiện các thủ tục sau đối với những tài sản được đánh giá lại có giá trị lớn:

Đảm bảo rằng việc tổ chức thực hiện đánh giá lại tài sản là tuân thủ theo đúng các quy định của chuẩn mực kế toán và quy định pháp lý có liên quan;

Thu thập biên bản đánh giá lại tài sản, quyết định phê duyệt giá trị đánh giá lại của cấp có thẩm quyền và đảm bảo rằng giá trị được trình bày trên biên bản này phù hợp với giá trị được đánh giá lại;

Đối chiếu các giá trị tăng thêm hay giảm bớt do đánh giá lại tài sản với số liệu trình bày trên tài khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản.

2.2.3. Kết thúc kiểm toán

Soát xét lại hồ sơ kiểm toán

Sau khi hoàn tất công việc kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán thường soát xét lại toàn bộ giấy tờ làm việc mà các kiểm toán viên đã thực hiện.

Công việc soát xét giấy tờ làm việc nhằm đảm bảo quá trình kiểm toán các phân hành, khoản mục được thực hiện theo đúng kế hoạch, chương trình kiểm toán và tuân thủ theo đúng Chuẩn mực kiểm toán. Từ đó, chứng minh các kết luận trong Báo cáo kiểm toán, mục tiêu kiểm toán đối với các khoản mục và phân hành được thoả mãn.

Trường hợp, trong quá trình soát xét lại giấy tờ làm việc nếu trưởng nhóm kiểm toán phát hiện ra những sai sót trong các giấy tờ làm việc, một số vấn đề mới phát sinh có ảnh hưởng tới cuộc kiểm toán thì trưởng nhóm kiểm toán sẽ thảo luận với các kiểm toán viên trong nhóm và yêu cầu các kiểm toán viên làm lại phần kiểm toán đó, thảo luận và bổ sung nhằm hoàn thiện.

Tổng hợp lại toàn bộ công việc mà kiểm toán viên đã thực hiện

Sau khi đã soát xét lại hồ sơ và giấy tờ làm việc, kiểm toán viên tổng hợp lại tất cả các giấy tờ làm việc đối với từng khoản mục. Sau đó, các thành viên trong nhóm và trưởng nhóm sẽ thảo luận trước khi lập biên bản kiểm toán để nêu lên những kiến nghị và các bút toán điều chỉnh từng khoản mục.

Biên bản kiểm toán sẽ được đưa cho kế toán trưởng. Nếu có sự bất đồng ý kiến giữa hai bên thì kiểm toán viên sẽ đưa ra bằng chứng để có kết luận của mình và kế toán trưởng phải giải trình với kiểm toán viên để từ đó cùng thống nhất đưa ra kết quả sao cho phù hợp với Chuẩn mực kế toán.

Khi biên bản kiểm toán đã được thống nhất giữa hai bên kiểm toán và Ban Giám đốc đơn vị khách hàng, hai bên đều phải ký đầy đủ vào biên bản kiểm toán.

Phát hành báo cáo kiểm toán

Gửi bản thảo đến cho khách hàng và họp thông báo kết quả kiểm toán. Dựa trên Biên bản kiểm toán, tài liệu soát xét, kiểm toán viên đưa ra bản dự thảo báo cáo kiểm toán. Bản dự thảo này đưa cho khách hàng, khách hàng xem xét và họp thông qua kết quả kiểm toán.

Thông qua bản dự thảo và phát hành báo cáo kiểm toán chính thức. Bản dự thảo báo cáo gửi cho Ban Giám đốc công ty khách hàng và xem xét lần cuối trước khi phát hành báo cáo kiểm toán chính thức.

2.3. Quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ hữu hình trong Kiểm toán BCTC do công ty TNHH NEXIA STT– Chi nhánh An Phát thực hiện tại công ty cổ phần DASOS Hải Phòng

2.3.1. Chuẩn bị kiểm toán

2.3.1.1. Giới thiệu chung

Công ty Cổ phần Dasos Hải Phòng tiền thân là Công ty Cổ phần Hóa phẩm Sông Cấm, được thành lập theo Quyết định số 705/QĐ-UB ngày 12/01/1999 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, được đổi tên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000015 đăng ký lần đầu ngày 15/06/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13/09/2008 của Sở kế hoạch và Đầu tư Hải phòng.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 110 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng) mệnh giá cổ phần 100.000 đồng, tổng số cổ phần: 500.000 cổ phần.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông Đặng Hòa, chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc, ngày sinh: 04/01/1956, quốc tịch: Việt Nam, chứng minh nhân dân số 022748845, ngày cấp: 30/12/1992, nơi cấp: Công

an TP Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 62-64 Lê Thị Riêng, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất mỹ phẩm, chất tẩy giặt, vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt và công nghiệp; Sản xuất kinh doanh hoá chất chuyên ngành hoá mỹ phẩm, sản xuất bao bì và giấy nhựa; Kinh doanh hoá mỹ phẩm, bất động sản; Đại lý mua bán hàng hoá, dịch vụ thương mại; Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp và đô thị; Nuôi trồng và kinh doanh thuỷ hải sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch; khai thác khoáng sản (cát); Xây dựng cảng, sông (thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

2.3.1.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.3.1.3 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung khác của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

Phương pháp kế toán TSCĐ: Công ty phản ánh theo nguyên giá, hao mòn, và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản.

Tỷ lệ trích khấu hao được tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính

2.3.1.4 Đánh giá mức trọng yếu

Đánh giá mức trọng yếu là bước rất quan trọng trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán. Việc xác định mức độ trọng yếu đối với mỗi khách hàng giúp kiểm toán viên trong việc lập kế hoạch và thiết kế chương trình kiểm toán hữu hiệu. Từ đó kiểm toán viên xác định được số lượng bằng chứng kiểm toán cần thu thập khi kiểm toán báo cáo tài chính. Trong bước này các kiểm toán viên của NEXIA thường xem xét tính liên tục hoạt động của khách hàng bằng cách tìm hiểu về hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng. Bằng các kỹ thuật xem xét tài liệu, phỏng vấn trực tiếp Ban Giám đốc, kế toán của đơn vị khách hàng, kiểm toán viên đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng có hữu hiệu và đáng tin cậy hay không. Việc lựa chọn tiêu thức hợp lý để xác định mức trọng yếu là rất quan trọng và phức tạp. Nó dựa trên sự xét đoán nghề nghiệp của KTV. Dự kiến hợp lý mức trọng yếu sẽ xác định được lượng bằng chứng thu thập tương ứng phù hợp.

Mức trọng yếu (kế hoạch – thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của công ty để thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại khách hàng và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa.

Trong bước này các kiểm toán viên của NEXIA thường xem xét tính liên tục hoạt động của khách hàng bằng cách tìm hiểu về hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng. Bằng các kỹ thuật xem xét tài liệu, phỏng vấn trực tiếp Ban Giám đốc, kế toán của đơn vị khách hàng, kiểm toán viên đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng có hữu hiệu và đáng tin cậy hay không.

Việc xác định mức trọng yếu tại Công ty TNHH NEXIA STT-CN An Phát được xác định một các cụ thể trong mục A710: Xác định mức trọng yếu (Kế hoạch – Thực hiện). Chỉ tiêu được lựa chọn để ước lượng mức trọng yếu đối

với công ty CP DASOS là chỉ tiêu Doanh thu bán hàng. Dựa trên kết quả tìm hiểu về Công ty khách hàng và kinh nghiệm kiểm toán của mình mà trưởng nhóm kiểm toán đưa ra các tỷ lệ để ước tính mức trọng yếu và tính toán mức trọng yếu thể hiện trên bảng như sau:

Nội dung	Kế hoạch	Thực tế
Tiêu chí được sử dụng để tính mức trọng yếu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận trước thuế
	V Doanh thu thuần	V Doanh thu thuần
	Tổng chi phí	Tổng chi phí
	Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu
	Tổng tài sản	Tổng tài sản
	Khác	Khác
Nguồn số liệu để xác định mức trọng yếu	BCTC trước kiểm V toán	BCTC đã điều chỉnh sau V kiểm toán
	BCTC năm trước	
	Kế hoạch SXKD	
	Ước tính	
Lý do lựa chọn tiêu chí này		
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(a)	36 236 813 757
Điều chỉnh ảnh hưởng của các biến động bất thường	(b)	
Giá trị tiêu chí được lựa chọn sau điều chỉnh	(c)=(a)-(b)	36 236 813 757
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu	(d)	1.8%
	[5%-10%] LNTT	[5%-10%] LNTT
	[0,5%-3%] DT thuần	[0,5%-3%] DT thuần
	[0,5%-3%] Tổng CP	[0,5%-3%] Tổng CP
	[1%-5%] Vốn chủ SH	[1%-5%] Vốn chủ SH
	V [1%-2%] Tổng tài sản	V [1%-2%] Tổng tài sản
	[] Khác	[] Khác
Lý do lựa chọn tỷ lệ này Rủi ro của đơn vị được đánh giá ở mức độ trung bình		
Mức trọng yếu tổng thể	(e)=(c)*(d)	634 000 000
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu thực hiện [50%-70%]	(f)	60.0%
Mức trọng yếu thực hiện	(g)=(e)*(f)	380 400 000
Tỷ lệ sử dụng để ước tính ngưỡng sai sót không đáng kể [0% -4%]	h	2.0%
Lý do lựa chọn tỷ lệ này Rủi ro của đơn vị được đánh giá ở mức độ trung bình		
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	(i)=(g)*(h)	7 608 000

Căn cứ vào bảng trên, KTV chọn ra mức trọng yếu để áp dụng khi thực hiện kiểm toán.

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Mức trọng yếu tổng thể	634 000 000	3 340 000 000
Mức trọng yếu thực hiện	380 400 000	2 004 000 000
Ngưỡng sai sót không đáng kể/sai sót có thể bỏ qua	7 608 000	80 160 000

Trong cuộc kiểm toán này, mức trọng yếu tổng thể được xác định không vượt quá 2% tổng Tài sản.

Sau khi xác định được mức trọng yếu tổng thể, trưởng nhóm kiểm toán sẽ tiến hành phân bổ mức trọng yếu này cho các tài khoản quan trọng khi lập kế hoạch và thực hiện quy trình kiểm toán. Trong công việc kiểm toán, Nexia gọi mức phân bổ này là “Mức trọng yếu thực hiện”. Mức trọng yếu thực hiện được tính bằng 60% mức trọng yếu tổng thể. Các sai lệch dưới mức trọng yếu thực hiện được coi là hợp lý, và kiểm toán viên không đưa ra bút toán điều chỉnh. Tuy nhiên đây mới chỉ là yếu tố định lượng để là mức chuẩn cho việc xác định các sai phạm trọng yếu. KTV còn phải xem xét đến các yếu tố định tính như có đưa ra bút toán điều chỉnh hay không. Với những sai lệch được phát hiện lớn hơn mức này, KTV sẽ phải xem xét cụ thể. Sau khi đã tiến hành các thủ tục điều tra, thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết, KTV sẽ đưa ra ý kiến điều chỉnh.

Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua được xác định không quá 2% mức trọng yếu thực hiện. Các sai phạm có giá trị nhỏ hơn giới hạn này sẽ được coi là không có ảnh hưởng trọng yếu và KTV không cần phải thực hiện thủ tục kiểm toán nào. Điều đó có nghĩa là trong BCTC sẽ không bị coi là có sai phạm trọng yếu nếu sai lệch được phát hiện (nếu có) ở dưới mức này.

Khoản mục TSCĐ luôn được đánh giá là trọng yếu và có rủi ro tiềm tàng ở mức trung bình.

2.3.2 Thực hiện kiểm toán khoản mục TSCĐ

2.3.4. Kết thúc kiểm toán

Trong giai đoạn này, KTV thực hiện các công việc sau:

- Soát xét giấy tờ làm việc của KTV
 - Soát xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC
 - Tổng hợp kết quả báo cáo kiểm toán
 - Hoàn chỉnh và phát hành chính thức Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý
 - Công bố báo cáo kiểm toán
- Soát xét giấy tờ làm việc của KTV

Sau khi hoàn tất công việc kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán thường soát xét lại toàn bộ giấy tờ làm việc mà các kiểm toán viên đã thực hiện, kiểm toán viên tổng hợp lại tất cả các giấy làm việc đối với từng khoản mục. Sau đó, các thành viên trong nhóm và trưởng nhóm sẽ thảo luận trước khi lập biên bản kiểm toán để nêu lên những kiến nghị, các bút toán điều chỉnh từng khoản mục và phát hành báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính chính thức. Việc soát xét giấy tờ này nhằm mục đích:

- Đảm bảo các bằng chứng đã thu thập, đánh giá mô tả một cách đầy đủ thông tin về hoạt động kinh doanh của khách hàng.
- Kiểm tra tính phù hợp trong việc áp dụng các chuẩn mực kế toán, kiểm toán và các tiêu chuẩn nghề nghiệp được chấp nhận rộng rãi.
- Đảm bảo rằng các mục tiêu kiểm toán xác định đã được thỏa mãn.
- Khẳng định các giấy tờ làm việc đã chứa đựng đầy đủ thông tin cần thiết để chứng minh cho kết luận trên Báo cáo kiểm toán sau này.

Đối với Khoản mục TSCĐ hữu hình, các giấy tờ làm việc do chị Đỗ Thị Hiền thực hiện, là một kiểm toán viên có nhiều kinh nghiệm, chị đã phản ánh được đầy đủ những thông tin cần thiết về đối tượng, mục tiêu kiểm toán khoản mục TSCĐ trên giấy tờ làm việc một cách chặt chẽ, dễ hiểu.

- Soát xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC

Việc soát xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC rất quan trọng, các sự kiện này có thể ảnh hưởng trọng yếu hoặc không trọng yếu đến BCTC. Tuy nhiên, trong quá trình soát xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC, KTV nhận

thấy không có vấn đề gì phát sinh đối với khoản mục TSCĐ gây ảnh hưởng đến BCTC và báo cáo kiểm toán.

Tổng hợp kết quả Báo cáo kiểm toán

Tổng hợp kết quả báo cáo kiểm toán là giai đoạn cuối cùng của cuộc kiểm toán nhằm tổng hợp công việc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán. Mỗi KTV

Tham gia kiểm toán phải gửi kết quả kiểm toán của mình cho trưởng nhóm kiểm toán tổng hợp chung kết quả của các KTV được thể hiện trên trang tổng hợp và trường hợp và thường bao gồm các nội dung sau:

-Các sai phạm đã phát hiện khi kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản và đánh giá mức độ của sai phạm.

-Nguyên nhân của sai lệch (nếu có) và bút toán điều chỉnh sai phạm.

Sau khi tổng hợp các kết quả kiểm toán do Trưởng nhóm kiểm toán thực hiện, KTV sẽ đưa ra trao đổi với đơn vị được kiểm toán công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong. Thực hiện hướng dẫn của CMKiT số 260, 265 và 450, KTV phải trao đổi về các phát hiện trong quá trình kiểm toán (bao gồm các sai sót phát hiện) với cấp quản lý phù hợp trong đơn vị được kiểm toán.(Mẫu B411)

Chuẩn bị dự thảo Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý

Trên cơ sở các bằng chứng và các phát hiện thu thập được trên giấy tờ làm việc của KTV các phần hành, trưởng nhóm kiểm toán tiến hành lập Bảng tổng hợp kết quả kiểm toán và lập dự thảo Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý. Trước khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Hồ sơ kiểm toán phải trải qua hai lần soát xét chặt chẽ:

-Soát xét của Chủ nhiệm kiểm toán đối với toàn bộ hồ sơ kiểm toán trước khi trình BGD rà soát.

-Soát xét lần cuối của BGD đối với Hồ sơ kiểm toán trước khi phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức.

Công bố báo cáo kiểm toán

Sau khi tiến hành thảo luận với khách hàng và đi đến thống nhất về kết quả kiểm toán, theo như Hợp đồng đã ký kết, NEXIA lập và công bố Báo cáo kiểm toán chính thức. Trong báo cáo gồm:

- Báo cáo của Ban giám đốc
- Báo cáo của Kiểm toán viên
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019
- Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ HỮU HÌNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY TNHH NEXIA STT – CHI NHÁNH AN PHÁT

3.1 Đánh giá về thực trạng kiểm toán khoản mục TSCĐ hữu hình trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH NEXIA STT – chi nhánh An Phát thực hiện

Nexia là một mạng lưới các công ty tư vấn, kế toán và kiểm toán độc lập hàng đầu thế giới, chất lượng cao, đáp ứng các yêu cầu về kinh doanh và tài chính cho các tổ chức, cá nhân với tầm nhìn quốc tế. Mạng lưới các công ty thành viên của Nexia hoạt động trên 120 quốc gia tại 565 văn phòng khắp thế giới với hơn 24.800 chuyên gia. Nexia STT, được thành lập vào năm 2004, là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các nhu cầu về kinh doanh và tư vấn đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế. NEXIA có đội ngũ trên 60 nhân viên chuyên nghiệp tốt nghiệp Đại học và Cao học trong và ngoài nước. Đội ngũ kiểm toán viên và nhân viên lành nghề đã có thời gian làm việc tại các công ty kiểm toán lớn trong nước và các hãng kiểm toán quốc tế tại Việt Nam, với bề dày kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế ... đã và đang khẳng định vị trí và uy tín trên thị trường.

Hiện tại NEXIA đã và đang thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hơn 500 khách hàng trên toàn quốc. Theo thống kê của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), NEXIA nằm trong nhóm 50 công ty kiểm toán có số lượng khách hàng lớn nhất tính trên hơn 160 Công ty kiểm toán đang hoạt động tại Việt Nam. Khách hàng của NEXIA là các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong cả nước.

Bên cạnh việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng, NEXIA luôn quan tâm đầu tư phát triển nguồn nhân lực của Công ty. Đội ngũ kiểm toán viên và nhân viên chuyên nghiệp của NEXIA được liên tục được đào tạo và cập nhật các chương trình và nội dung mới về kế toán, kiểm toán, thuế và các chuyên ngành có liên quan. Hơn 10% cán bộ công nhân viên NEXIA đã hoàn thành chương trình đào tạo cao học tại các trường đại học ở Việt Nam và các quốc gia

tiên tiến như Mỹ, Úc, Ấn Độ, ... Công ty không ngừng nâng cao số lượng và chất lượng của các KTV.

Trong định hướng chiến lược phát triển dài hạn, ban lãnh đạo NEXIA chủ trương tiếp tục hoàn thiện và chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ về kiểm toán, tư vấn. Công ty đặt mục tiêu đến năm 2021 sẽ lọt vào top 20 công ty kiểm toán hàng đầu Việt Nam. Bên cạnh đó, NEXIA cũng đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế, tăng cường học hỏi kinh nghiệm và các kỹ năng chuyên môn. NEXIA đang nỗ lực phấn đấu để trở thành thành viên của một hãng kiểm toán quốc tế. Công ty đưa ra những chỉ tiêu tăng doanh thu, lợi nhuận bền vững trong giai đoạn tới và cùng với đó là tăng tiền thuế nộp cho ngân sách nhà nước.

Trong môi trường cạnh tranh cao hiện nay, hoạt động của NEXIA cũng gặp không ít những khó khăn. Tuy nhiên, với một đội ngũ lãnh đạo có năng lực, giàu tâm huyết; đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, năng động và được đào tạo bài bản, NEXIA tin tưởng sẽ tiếp tục phát triển và không ngừng khẳng định thương hiệu trên thị trường cung cấp các dịch vụ chuyên ngành chất lượng cao.

3.1.1 Ưu điểm

Công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát đã xây dựng một quy trình kiểm toán nhìn chung là hợp lý, chặt chẽ, đem lại hiệu quả cao, tương đối chặt chẽ cho các phân hành nói chung và cho phân hành TSCĐ nói riêng. Các bước công việc trong phân hành được hướng dẫn một cách chi tiết nhưng không cứng nhắc, bảo thủ. Các KTV có thể vận dụng linh hoạt các bước công việc cho phù hợp với từng loại hình và quy mô doanh nghiệp.

Quy trình kiểm toán TSCĐ được xây dựng trên cơ sở các chuẩn mực kiểm toán và phù hợp với quy trình kiểm toán chung của công ty.

Cụ thể trong từng giai đoạn công ty đã đạt được những ưu điểm sau:

- Lập kế hoạch kiểm toán:

Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán tại công ty TNHH NEXIA STT – Chi nhánh An Phát, công ty đã xây dựng kế hoạch kiểm toán phù hợp tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Giai đoạn lập kế hoạch là giai đoạn mở đầu cho cuộc kiểm toán tại công ty, cho nên việc lập kế hoạch kiểm toán càng chi tiết,

đầy đủ, chính xác sẽ là điều kiện thuận lợi để thực hiện các giai đoạn kiểm toán tiếp theo. KTV cần thực hiện các bước công việc sau: tìm hiểu, đánh giá chấp nhận khách hàng và rủi ro hợp đồng, xây dựng kế hoạch tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán. Công tác đánh giá được thực hiện nhanh, gọn, hiệu quả thông qua quan sát, phỏng vấn và thu thập tài liệu về khách hàng.

-Tìm hiểu khách hàng: công ty tìm hiểu thông tin khách hàng dựa trên các mẫu giấy tờ làm việc có sẵn. Mẫu gồm các nội dung như: thông tin cơ bản về khách hàng; thông tin về hoạt động kinh doanh chính, sản phẩm/ dịch vụ chủ yếu; ngành nghề hoặc lĩnh vực hoạt động; hiểu biết về môi trường hoạt động (Các vấn đề về ngành nghề kinh doanh và xu hướng của ngành nghề, các yếu tố pháp lý); loại hình sở hữu và bộ máy quản trị, các hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp); hiểu biết về các chính sách kế toán áp dụng (Kì kế toán, đơn vị tiền tệ, chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng, các chế độ chính sách kế toán chủ yếu); mục tiêu, chiến lược và các rủi ro kinh doanh liên quan.... Những thông tin này là căn cứ cho KTV bước đầu đánh giá về mức trọng yếu và rủi ro, từ đó xây dựng lên kế hoạch kiểm toán.

-Xây dựng kế hoạch kiểm toán: Tính thận trọng nghề nghiệp của KTV yêu cầu KTV phải thực hiện đầy đủ các bước của giai đoạn này làm cơ sở để xây dựng các chương trình kiểm toán, bảo đảm tính khoa học và hiệu quả.

Trong bước này NEXIA kết hợp thu thập các thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ và tình hình kinh doanh của khách hàng từ đó xác định mục tiêu và phương pháp tiếp cận kiểm toán. Nhờ chiến lược kiểm toán và cách tiếp cận phù hợp đã tạo nên định hướng quan trọng cho bước lập kế hoạch tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán. Đồng thời, việc xác định nhóm kiểm toán, phân chia nhiệm vụ một các cụ thể phù hợp với KTV đã giúp cho NEXIA nhận được sự đánh giá cao từ phía khách hàng về môi trường làm việc chuyên nghiệp, các KTV nhiệt tình trong công việc.

-Kế hoạch kiểm toán bao gồm kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán.

Kế hoạch kiểm toán tổng thể tại NEXIA cũng được xây dựng theo mẫu có sẵn để thuận tiện hơn trong công việc, mẫu này bao gồm các thông tin về khách hàng mà KTV đã tìm hiểu được ở bước “Thu thập thông tin khách hàng”, phân tích sơ bộ BCTC, đánh giá mức trọng yếu, đánh giá về rủi ro, đánh giá hệ thống KSNB, thời gian kiểm toán, thành viên trong nhóm kiểm toán, phương pháp kiểm toán.... các nội dung này được đưa vào kế hoạch kiểm toán một cách đầy đủ, chặt chẽ và chi tiết nhất để từ đó lập được chương trình kiểm toán.

Chương trình kiểm toán của công ty NEXIA được xây dựng một cách cụ thể cho từng khoản mục, từng thủ tục kiểm toán cần thiết để thực hiện kế hoạch kiểm toán tổng thể. Chương trình kiểm toán này được xây dựng chung có nghĩa là có thể áp dụng chương trình này cho mọi cuộc kiểm toán, phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Các bước kiểm toán tại NEXIA được tiến hành theo đúng quy trình này giúp rút ngắn thời gian cũng như tiến độ thực hiện công việc, tăng năng suất làm việc và tiết kiệm được chi phí cho 2 bên. Các công việc được tiến hành độc lập, hiệu quả nhằm đưa ra các thông tin xác thực để phục vụ cho việc lập báo cáo kiểm toán. Tuy nhiên, tùy vào từng loại hình doanh nghiệp cũng như mục đích của việc lập Báo cáo tài chính mà ngoài những công việc cần thiết thì có thể bỏ sùng thêm 1 số công việc để đảm bảo tính đầy đủ của bằng chứng kiểm toán. Còn đối với doanh nghiệp nhỏ, ít nghiệp vụ thì có thể lược bớt 1 số thủ tục không cần thiết nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng của công việc kiểm toán, chất lượng của việc lập BCTC. Vì vậy, việc lập kế hoạch kiểm toán tại NEXIA không nhất định phải đi theo khuôn mẫu cứng nhắc mà KTV có thể linh hoạt thay đổi 1 số vấn đề, thủ tục sao cho phù hợp với đối tượng khách hàng mình đang hợp tác. Nội dung các mẫu giấy tờ sẽ còn thay đổi phụ thuộc và bám sát với những thay đổi của chương trình kiểm toán mẫu của VACPA.

- Giai đoạn thực hiện kiểm toán:

Kiểm tra về kiểm soát nội bộ: KTV luôn đảm bảo thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng. Việc đưa ra nhận xét chính xác về hệ thống kiểm soát nội bộ có hỗ trợ rất lớn cho công việc

kiểm toán tiếp theo của KTV. Trong hồ sơ kiểm toán đều lưu giữ lại bảng câu hỏi về tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ.

Trong gian đoạn thực hiện kiểm toán khoản mục TSCĐ hữu hình, KTV đã thực hiện một cách đầy đủ các thủ tục theo chương trình kiểm toán đã lập ra.

Đối với việc thực hiện thủ tục chung: KTV đã tiến hành phỏng vấn kế toán TSCĐ của đơn vị và tìm hiểu để đánh giá việc hạch toán TSCĐ của doanh nghiệp có phù hợp với chuẩn mực và chính sách kế toán hiện hành hay không?

-Đối với việc thực hiện thủ tục phân tích: KTV đã tiến hành phân tích biến động của khoản mục TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ năm nay so với năm trước và tiến hành nhận xét, đánh giá.

-Đối với việc thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết: Việc thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết khiến KTV mất rất nhiều thời gian, tại Trung tâm XLNT Khu công nghiệp Dệt may Phố Nôi, đối với khoản mục TSCĐ không áp dụng kiểm tra chọn mẫu mà kiểm tra 100% các giao dịch và số dư, hu thập các bằng chứng cụ thể đối với các nghiệp vụ, số dư, đối với nguyên giá và khấu hao TSCĐ. Các KTV luôn thực hiện cẩn thận các thủ tục này nhằm thu thập được các bằng chứng xác thực nhất.

•Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán

Đây là giai đoạn cuối cùng của cuộc kiểm toán, ở giai đoạn này các KTV thường thực hiện rất cẩn thận công việc đã thực hiện nhằm đưa ra kết luận kiểm toán cho từng khoản mục. KTV sẽ tổng kết các sai phạm, lập bút toán điều chỉnh, trao đổi với khách hàng tìm nguyên nhân, thống nhất ý kiến để đưa ra kết luận cuối cùng, nêu ra các hạn chế trong cuộc kiểm toán và đưa ra các vấn đề cần chú ý trong các cuộc kiểm toán sau. Những ý kiến tư vấn đáng quý của KTV sẽ giúp cho doanh nghiệp hoàn thiện hơn về công tác kế toán, tăng hiệu quả kinh doanh.

Trong thời gian thực hiện kiểm toán cũng như sau khi phát hành báo cáo kiểm toán, KTV luôn ghi chép và lưu lại các giấy tờ làm việc cẩn thận cũng như lưu lại các căn cứ kiểm toán thu được. Tất cả những chứng từ kiểm toán đều được lưu lại trong hồ sơ kiểm toán và được tham chiếu với phần hành làm việc.

3.1.2 Nhược điểm

Trong quy trình kiểm toán có nhiều ưu điểm song vẫn tồn tại những hạn chế như:

- Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Tìm hiểu về khách hàng: Do lượng khách hàng kiểm toán tại công ty NEXI khá nhiều mà đội ngũ nhân viên thì có hạn nên lượng công việc phân chia cho mỗi người đều lớn và thời gian kiểm toán có hạn, KTV thường thu thập 1 cách sơ sài. Thông thường KTV chỉ chú trọng đến lĩnh vực hoạt động, doanh thu, 1 số thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ. Đối với khách hàng quen thì điều này càng được làm một cách nhanh chóng, cũng có thể sẽ lấy thông tin từ kiểm toán năm trước làm cho năm nay. Điều này chỉ phù hợp khi KTV vẫn cập nhật thêm các thay đổi trong năm tài chính mới của khách hàng thì mới có thể đảm bảo được tính xác thực của thông tin.

- Phương pháp chọn mẫu

Khi công việc tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB cũng như việc xác định mức độ trọng yếu trên BCTC được đảm bảo là tốt thì đương nhiên số lượng mẫu chọn cũng sẽ giảm đi. Song trên thực tế với 1 số đối tượng khách, mẫu chọn sẽ cho ra số lượng mẫu chọn nhiều khi khá lớn nhưng vì hạn chế về mặt thời gian nên KTV không có điều kiện để kiểm toán toàn bộ hoặc cũng có thể vì vậy mà phát sinh thêm chi phí, mất thêm thời gian để kiểm toán. Vì vậy, chọn mẫu thế nào để mang lại tính chính xác cao nhất chính là vấn đề mà các KTV quan tâm. Thực tế sau tiến hành chọn mẫu KTV thường tiến hành chọn thêm 1 số mẫu có nghiệp vụ bất thường để kiểm tra và điều này hoàn toàn mang tính xét đoán nghề nghiệp chủ quan của KTV.

Trong trường hợp khách hàng thường xuyên thì nguyên tắc này rất dễ bị khách hàng quen nắm bắt. Ngoài ra đôi khi không chắc chắn sai sót xảy ra ở những nghiệp vụ có số dư lớn mà lại xảy ra ở những nghiệp vụ có số dư nhỏ nhưng tần suất sai sót lại tương đối lớn vì vậy mà KTV cũng vẫn phải dò xét những nghiệp vụ bất thường dù không phải mẫu chọn để kiểm tra.

Thông thường đối với công việc kiểm kê tài sản cũng như đối với 1 số đối tượng khác cần kiểm kê thì KTV đều phải tới doanh nghiệp để kiểm kê hết tất cả. Đối với những doanh nghiệp có số lượng đối tượng cần kiểm kê tương đối không nhiều thì không sao nhưng với số lượng nhiều mà phải kiểm kê tất cả thì mất rất nhiều thời gian, công sức và nhân lực cũng như chi phí nếu như KTV không áp dụng phương pháp chọn mẫu.

- Bên cạnh đó, một sức ép lớn cho KTV và toàn thể công ty Nexia là sức ép về thời gian và số lượng khách hàng cũng như đội ngũ nhân vi.

Công việc kiểm toán thường diễn ra cao điểm vào thời điểm cuối năm và vào đầu năm sau nên có nhiều thủ tục kiểm toán quan trọng bị bỏ qua cũng như do nhu cầu cao của khách hàng và số lượng nhân viên kiểm toán có hạn nên số lượng thành viên tham gia ở các đơn vị trên thường ít và dàn trải. Đội ngũ nhân viên ở các nhóm luôn luôn phải di chuyển khắp nội thành, ngoại thành và các tỉnh, thành phố khác nhau. Khối lượng công việc nhiều, nhân viên ít nên các thành viên trong nhóm đều phải hết sức cố gắng làm việc tới thời gian rất muộn. Điều này đôi khi ảnh hưởng đến chất lượng cuộc kiểm toán, ảnh hưởng tới sức khỏe, năng lực và tinh thần của KTV.

Các tài khoản trong chu kỳ có số dư nhỏ thường chỉ được KTV thực hiện kiểm tra lướt qua. Vì không có đủ thời gian nên KTV phải chú trọng vào các phần hành có số dư hoặc số phát sinh lớn để có thể giảm tới đa những sai phạm trọng yếu khi thực hiện cuộc kiểm toán. Trong phần lập kế hoạch kiểm toán, đánh giá rủi ro rất được các KTV quan tâm, bởi vì KTV có thể biết được trọng tâm công việc mình làm khi thực hiện kiểm toán cho đơn vị khách hàng.

3.2 Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán toán khoản mục TSCĐ hữu hình trong kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Kiểm toán Nexia – Chi nhánh An Phát thực hiện.

3.2.1 Giải pháp hoàn thiện giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Tìm hiểu khách hàng: Đối với công ty DASOS thì đây là khách hàng khá lâu của NEXIA nên KTV tìm hiểu về khách hàng một cách sơ sài. Điều đó sẽ khiến KTV không kịp thời nắm bắt được những thay đổi mới của công ty để

đảm bảo được tính chính xác của thông tin và khiến cho bước tìm hiểu về khách hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro và những rủi ro này có thể sẽ ảnh hưởng đến cuộc kiểm toán.

Trong quá trình kiểm toán, KTV nên cố gắng thu thập nhiều thông tin cơ bản về khách hàng nhằm có nhận xét các vấn đề ban đầu chính xác nhất có thể từ đó có định hướng kế hoạch kiểm toán đúng đắn nhất. Phương pháp của em đưa ra là công ty nên sử dụng nhiều phương pháp để tìm hiểu về khách hàng một cách chi tiết nhất có thể là:

- Tìm hiểu qua Internet, trang Web, thông tin đại chúng...
- Tìm hiểu qua đối tác, khách hàng của doanh nghiệp
- Tìm hiểu qua ngân hàng mà doanh nghiệp đó mở
- Gửi cho doanh nghiệp những vấn đề, nội dung câu hỏi mình cần tìm hiểu để họ trả lời

3.2.2 Giải pháp hoàn thiện phương pháp chọn mẫu khi kiểm toán khoản mục TSCĐ hữu hình

Theo Chuẩn mực kiểm toán 530 – Lấy mẫu kiểm toán và các thủ tục lựa chọn khác: “Khi thiết kế thủ tục kiểm toán, kiểm toán viên phải xác định các phương pháp thích hợp để lựa chọn các phần tử thử nghiệm nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán thỏa mãn mục tiêu thử nghiệm kiểm toán”.

Chọn mẫu kiểm toán (gọi tắt là lấy mẫu): là áp dụng các thủ tục kiểm toán trên số phần tử ít hơn 100% tổng số phần tử của một số dư tài khoản hay một loại nghiệp vụ, sao cho mọi phần tử đều có cơ hội để được chọn. Lấy mẫu sẽ giúp KTV thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán về các đặc trưng của các phần tử được chọn, nhằm hình thành hay củng cố kết luận về tổng thể. Lấy mẫu có thể tiến hành theo phương pháp thống kê hoặc phi thống kê.

- Chọn mẫu thống kê: là phương pháp lấy mẫu có hai đặc điểm sau:
 - Các phần tử được lựa chọn ngẫu nhiên vào mẫu;
 - Sử dụng lý thuyết xác suất thống kê để đánh giá kết quả mẫu, bao gồm cả việc định lượng rủi ro lấy mẫu.

Chọn mẫu thống kê là việc sử dụng kỹ thuật tính toán toán học để tính các kết quả thống kê có hệ thống. Ưu điểm của phương pháp này là quá trình định lượng của rủi ro chọn mẫu, từ đó xác định cỡ mẫu cần thiết ở mức rủi ro đã dự kiến trước.

• Chọn mẫu phi thống kê: là phương pháp lấy mẫu không có một hoặc cả hai đặc điểm trên. KTV không định lượng được rủi ro chọn mẫu, thay vào đó các kết luận được tiếp cận với các tổng thể trên như một căn cứ phán đoán nhiều hơn.

Hiện tại công ty TNHH Nexia STT – chi nhánh An Phát đang chọn phương pháp chọn mẫu thống kê. Kỹ thuật chọn mẫu này đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Vì là chọn mẫu thống kê nên quá trình chọn mẫu được thực hiện trên cơ sở tính toán các công thức toán học. Ưu điểm của phương pháp này là định lượng được rủi ro chọn mẫu, từ đó có thể đánh giá kết quả mẫu chọn và suy rộng ra tổng thể. Nhưng bên cạnh đó cũng có những hạn chế như là: đối với một số tài sản có dấu hiệu bất thường và tiềm ẩn rủi ro nhưng không được mẫu chọn.

Vì vậy, giải pháp của em đưa ra là Công ty có thể chọn phương pháp chọn mẫu thống kê kết hợp chọn mẫu phi thống kê. Sau khi công ty đã dùng phương pháp thống kê để tìm ra được mẫu chọn đại diện, KTV sẽ dựa vào kinh nghiệm và năng lực của mình để phân tích, phán đoán ra những TSCĐ có dấu hiệu bất thường và tiềm ẩn rủi ro để lựa chọn thêm mẫu để kiểm tra.

Công ty có thể sử dụng các phần mềm chọn mẫu ví dụ như phần mềm Visual basic.... Việc chọn mẫu ngẫu nhiên qua máy tính sẽ giúp KTV tiết kiệm thời gian cũng như giảm bớt các sai sót trong quá trình chọn mẫu. Cách này có ưu điểm là mang tính xác suất cao đồng thời giúp cho việc vi tính hóa công tác kiểm toán, việc tính toán của KTV cũng chính xác hơn, tiết kiệm thời gian. Tuy nhiên cũng cần phải kết hợp cả kinh nghiệm đánh giá của KTV đối với mẫu chọn để đạt được hiệu quả cao nhất.

3.2.3 Giải pháp tăng cường nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực tại công ty TNHH Kiểm toán Nexia

• □ Giải pháp nâng cao số lượng đội ngũ KTV

Công ty cần có kế hoạch tuyển nhân viên thường xuyên và liên tục, đặc biệt là liên kết với các trường Đại học để tuyên truyền khuyến khích sinh viên hứng thú với công việc này bằng cách tuyển sinh viên đến công ty để thực tập. Điều này sẽ thu hút nhiều sinh viên muốn có nhiều trải nghiệm, kinh nghiệm trong công việc tương lai và có thể sau giai đoạn thực tập đó công ty sẽ tuyển được những đối tượng nhân viên ưng ý mà đỡ được nhiều chi phí phải đào tạo lại từ đầu. Nhưng không vì thế mà công ty thực hiện tuyển người hàng loạt, số người tuyển vào Nexia cần phải được chọn lọc kỹ càng với phương châm “chất lượng nhân viên là chất lượng dịch vụ”. Do vậy mặc dù đang trong tình trạng thiếu nhân lực nhưng công ty vẫn chỉ tuyển những nhân viên giỏi, yêu cầu không những giỏi về chuyên môn mà còn có tầm hiểu biết rộng, có khả năng quan sát tốt và có phong cách của KTV chuyên nghiệp.

Trong thời buổi hiện nay, để thu hút được nhân tài thì công ty cần xây dựng một chế độ lương minh bạch, dân chủ trong các mối quan hệ lợi ích, chỉ có chỗ cho những người thạo việc và giữ vững được đạo đức nghề nghiệp, Kiểm toán viên được vinh danh và có thu nhập xứng với lao động của họ. Điều này tạo cho đội ngũ nhân viên thấy yên tâm và gắn bó với sự phát triển lâu dài của công ty.

• □ Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ KTV

Đội ngũ nhân viên đảm bảo về chất không chỉ hướng tới hiệu quả cao của cuộc kiểm toán mà còn tuân thủ các Chuẩn mực kiểm toán chung được thừa nhận (GAAS). Chuẩn mực kiểm toán chung đầu tiên nêu rõ “quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi một hoặc nhiều người đã được đào tạo đầy đủ thành thạo như một KTV”. Ngoài ra việc đảm bảo về số lượng cũng sẽ góp phần tăng hiệu quả công việc.

Hiện nay, đội ngũ nhân viên của Nexia chủ yếu là các nhân viên trẻ, vừa mới tốt nghiệp đại học nên chưa có kinh nghiệm và chưa đạt được các chứng chỉ kiểm toán. Vì vậy, hàng năm công ty cần tăng cường các đợt thi, sát hạch nhằm đánh giá trình độ năng lực của KTV và trợ lý KTV. Từ đó, đưa ra các kế hoạch

để bồi dưỡng kiến thức, Công ty cần tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nâng cao trình độ, tham gia kì thi Kiểm toán viên hàng năm.

Hơn nữa, công ty nên tạo điều kiện cho những nhân viên có năng lực tốt để đi học các lớp đào tạo chuyên sâu về kiểm toán ở nước ngoài.

Trình độ ngoại ngữ của các KTV là một nguyên nhân chính gây hạn chế trong việc tiếp cận các tài liệu chuyên môn bằng tiếng nước ngoài cũng như tham gia các khóa học đào tạo tại nước ngoài. Vì thế công ty nên khuyến khích các KTV tham gia các khóa đào tạo tiếng anh đặc biệt là Tiếng anh chuyên ngành Kiểm toán.

KẾT LUẬN

Bài nghiên cứu với đề tài “Hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Nexia STT- chi nhánh An Phát thực hiện” đã đạt được các kết quả sau:

Về mặt lý luận:

- Nắm rõ được cái nhìn tổng quan về kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng.

- Tìm hiểu một cách cụ thể và chi tiết về TSCĐ như: khái niệm, tính chất, đặc điểm, phân loại.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán BCTC

Về mặt thực tiễn:

- Tìm hiểu khái quát về công ty TNHH Nexia STT – chi nhánh An Phát.

- Mô tả được chi tiết quá trình kiểm toán tại công ty cổ phần DASOS Hải Phòng nói chung và quá trình kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng.

- Phản ánh thực trạng về giai đoạn thực hiện kiểm toán Tài sản cố định tại Công ty cổ phần DASOS Hải Phòng với tài liệu về các số liệu năm 2020.

Giải pháp: Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện giai đoạn thực hiện kiểm toán TSCĐ tại công ty TNHH Nexia STT – Chi nhánh An Phát

- Hoàn thiện thủ tục tìm hiểu khách hàng

- Hoàn thiện phương pháp chọn mẫu

- Nâng cao chất lượng và nguồn nhân lực

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ
2. Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)
4. Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính, TS Nguyễn Viết Lợi, NXB Tài chính
5. Tài liệu tham khảo tại Phòng kế toán Công ty TNHH NEXIA STT - Chi nhánh An Phát